

Mục lục	Trang
Thông tin chung	3
Thông tin tổng quát.....	4
Quá trình phát triển.....	5
Các dịch vụ cung cấp	6
Mạng lưới hoạt động	8
Định hướng phát triển	8
Báo cáo của Ban Giám đốc	11
Diễn biến thị trường chứng khoán	12
Kết quả hoạt động kinh doanh.....	14
Tình hình tài chính	19
Cơ cấu cổ đông	21
Tổ chức và nhân sự	23
Kế hoạch phát triển	26
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	30
Đánh giá hoạt động kinh doanh	31
Hội đồng quản trị	31
Ban kiểm soát.....	32
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	33
Báo cáo tài chính	35



Thông tin chung

[Thông tin tổng quát](#)
[Quá trình phát triển](#)
[Dịch vụ của VinaSecurities](#)
[Mạng lưới hoạt động](#)
[Định hướng phát triển](#)



Thông tin tổng quát

Tên công ty	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Tên giao dịch	VinaSecurities JSC
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	50/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006
Vốn điều lệ	185 tỷ đồng
Trụ sở chính	120 Pasteur, Quận 1, TPHCM
Điện thoại	+84 (8) 38291316
Fax	+84 (8) 38291312
Email	vnsc@vinasecurities.com
Website	www.vinasecurities.com





Quá trình phát triển

Công ty Cổ phần chứng khoán Vina ("VinaSecurities") được thành lập vào ngày 26 tháng 12 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 với vốn điều lệ là 45 tỷ đồng.

Ngày 29 tháng 12 năm 2006, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quyết định số 50/UBCK-GPHDKD có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và được phép kinh doanh đầy đủ các nghiệp vụ gồm môi giới chứng khoán, tư vấn chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tháng 3 năm 2009, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận cho rút bớt nghiệp vụ tư vấn và bảo lãnh phát hành, đồng thời được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.

Tháng 4 năm 2010, Tập Đoàn VinaCapital chính thức trở thành cổ đông lớn của VinaSecurities. Tập Đoàn VinaCapital, công ty quản lý đầu tư lớn nhất tại Việt Nam, hiện đang quản lý hơn 1,7 tỉ USD giá trị tài sản.

Tháng 10 năm 2010, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 185 tỷ đồng.

Ngày 27 tháng 10 năm 2010, VinaSecurities đã thành công trong việc ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Macquarie Capital Securities Limited, một thành viên của tổ chức tài chính toàn cầu, Macquarie Group (Macquarie, ASX: MQG) theo đó cho phép khách hàng của Macquarie tiếp cận vào thị trường tài chính Việt Nam, một trong những thị trường phát triển nhanh nhất của Châu Á và cho phép khách hàng của VinaSecurities tiếp cận các thị trường tài chính toàn cầu hiện tại của Macquarie. Phạm vi ban đầu của thỏa thuận giúp cho khách hàng của Macquarie có thể nhận được các báo cáo nghiên cứu về cổ phiếu tập trung vào thị trường Việt Nam và thực hiện giao dịch cổ phiếu các công ty Việt Nam. Thỏa thuận cũng bao gồm thỏa thuận đối tác độc quyền giữa VinaSecurities và Macquarie về cung cấp các giao dịch trên thị trường vốn, mua bán và sáp nhập và các tư vấn tài chính khác.

Tháng 5 năm 2011, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận đóng cửa chi nhánh tại Hà Nội theo quyết định số 364/QĐ – UBCK.

Tháng 6 năm 2011, VinaSecurities thành lập Văn phòng Đại diện tại Hà Nội theo quyết định chấp thuận số 457/QĐ-UBCK của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước.

Tháng 7 năm 2012, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận dời văn phòng đến địa điểm mới theo quyết định số 100/QĐ – UBCK.

Tháng 9 năm 2012, Tập Đoàn VinaCapital hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp cho các tổ chức khác và chính thức không còn là cổ đông của VinaSecurities.



Tóm tắt các sự kiện

Thời gian	Sự kiện
12/2006	VinaSecurities được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán
3/2007	VinaSecurities được công nhận là thành viên lưu ký
5/2007	VinaSecurities được công nhận là thành viên của Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội
8/2007	VinaSecurities được công nhận là thành viên của Sở Giao Dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
2/2008	Được chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng
10/2008	Được chấp thuận thành lập chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh
3/2009	Được chấp thuận cho rút bớt nghiệp vụ tư vấn và bảo lãnh phát hành chứng khoán và VinaSecurities chính thức hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ
9/2009	VinaSecurities thay đổi trụ sở đặt tại TP Hồ Chí Minh và chi nhánh đặt tại Hà Nội
4/2010	VinaCapital chính thức trở thành cổ đông lớn của VinaSecurities
10/2010	Được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 185 tỷ đồng
10/2010	Ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện độc quyền với Công ty chứng khoán Macquarie Capital, thành viên của Tập đoàn Tài chính Toàn cầu Macquarie (MQG).
5/2011	VinaSecurities đóng cửa chi nhánh tại Hà Nội
6/2011	VinaSecurities thành lập Văn phòng Đại diện tại Hà Nội
4/2012	VinaSecurities bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt
7/2012	VinaSecurities thay đổi địa điểm đặt trụ sở đặt tại TP Hồ Chí Minh
10/2012	VinaSecurities được đưa ra khỏi tình trạng kiểm soát đặc biệt

Các dịch vụ cung cấp

Các dịch vụ kinh doanh chính của VinaSecurities bao gồm dịch vụ môi giới chứng khoán, các dịch vụ chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, phân tích và tư vấn đầu tư.



Môi giới

Là một trong những nhà môi giới duy nhất không có hoạt động tự doanh ở Việt Nam, VinaSecurities cung cấp những dịch vụ không mâu thuẫn lợi ích cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

VinaSecurities cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán như lưu ký chứng khoán, quản lý số cổ đông, phục vụ đối tượng khách hàng là các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

Dịch vụ môi giới đa ngôn ngữ của VinaSecurities được thị trường đón nhận nhờ các dịch vụ vượt trội dựa trên hiểu biết sâu rộng của chúng tôi về kinh tế Việt Nam. Với lợi thế về các mối quan hệ rộng khắp, VinaSecurities cung cấp cho khách hàng những đánh giá và nghiên cứu và nhận định về thị trường kịp thời, các dịch vụ môi giới nhanh chóng và các sản phẩm môi giới phú-tất cả nhằm mục đích giúp khách hàng đạt lợi nhuận kỳ vọng.

Tài Chính Doanh Nghiệp

VinaSecurities cung cấp dịch vụ Tài Chính Doanh Nghiệp trong 4 lĩnh vực chính:

Thị trường Vốn (ECM)

- Tư vấn cổ phần hóa
- Chào bán chứng khoán lần đầu cho công chúng và chào bán lần sau
- Giao dịch chứng khoán với khu vực tư nhân
- Các cơ cấu liên quan đến vốn sở hữu chủ

Mua bán và sáp nhập công ty (M & A)

- Tư vấn việc mua bán và sáp nhập công ty (M & A) xuyên quốc gia
- Tư vấn cho đối tượng trong nước

Thị trường Vốn Nợ (DCM)

- Trái phiếu
- Cơ cấu tài chính
- Tài trợ dự án

Tư vấn cho doanh nghiệp

- Tư vấn chiến lược
- Tái cấu trúc công ty
- Mua lại công ty theo cơ chế đơn bầu tài chính

VinaSecurities là công ty chứng khoán đầu tiên được Việt Nam cấp phép bảo lãnh phát hành chứng khoán huy động vốn vay và chứng khoán vốn. Bộ Phận Tài Chính Doanh Nghiệp VinaSecurities, với vai trò tư vấn cho cả bên bán và bên mua, đã thực hiện nhiều hợp đồng quan trọng tại Việt Nam, bao gồm tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - SATRA, Tư vấn phát hành cổ phiếu cho Tập đoàn Hòa Phát, Tư vấn phát hành cổ phiếu cho Công ty CP Đầu Tư Nam Long, Tư vấn giao dịch chuyển nhượng vốn cho Khách Sạn Hilton Hà Nội.



Nghiên cứu Phân tích

Đội ngũ nghiên cứu phân tích của VinaSecurities cung cấp các sản phẩm nghiên cứu phân tích sâu sắc và khách quan nhằm giúp khách hàng có những quyết định đầu tư hiệu quả.

Mạng lưới hoạt động

VinaSecurities hoạt động ở thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội với các văn phòng như sau:

Trụ sở chính

Địa chỉ: **120 Pasteur, Quận 1, TPHCM**

Điện thoại: **+84 (8) 38291316**

Fax: **+84 (8) 38291312**

Văn phòng đại diện Hà Nội

Địa chỉ: **Tầng 5, 13 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**

Điện thoại: **+84 (4) 39388846**

Fax: **+84 (4) 33988737**

Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu

VinaSecurities hướng đến mục tiêu trở thành công ty chứng khoán hàng đầu trong thị trường trong nước. VinaSecurities hiện đang xây dựng và củng cố vị thế của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam bằng việc hướng đến khách hàng là các tổ chức trong và ngoài nước, nhóm khách hàng mà các công ty môi giới trong nước chưa quan tâm phục vụ tốt, cũng như là các nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp.

Định hướng của Công ty là trở thành đối tác, lực chọn của nhà đầu tư mong muốn tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam bằng việc cung cấp cho khách hàng các dịch vụ đa dạng, phân tích chuyên sâu và các giải pháp hiệu quả cao trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.



VinaSecurities quyết tâm áp dụng các chuẩn mực quốc tế về tuân thủ luật pháp trong hoạt động hàng ngày của công ty. Mục đích của VinaSecurities là tạo niềm tin, sự tin cậy đối với khách hàng cũng như nhận được sự tin nhiệm từ phía khách hàng, từ đó tạo thuận lợi cho quan hệ giao dịch lâu dài với khách hàng. VinaSecurities đảm bảo các vấn đề sau đây sẽ được giám sát chặt chẽ nhằm tuân thủ các quy định hiện hành:

- Trách nhiệm đối với nhân viên
- Giao dịch tài khoản cá nhân
- Trách nhiệm pháp lý
- Ghi chép sổ sách
- Thao túng thị trường
- Giao dịch nội gián
- Hướng dẫn tiếp thị
- Hướng dẫn phân tích chứng khoán
- Đánh giá năng lực của đối tác tiềm năng

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

VinaSecurities hướng đến mục tiêu trở thành công ty chứng khoán hàng đầu trong thị trường trong nước. Để đạt được mục tiêu này, VinaSecurities hướng hoạt động kinh doanh của mình theo các nguyên tắc sau:

- Lợi ích của khách hàng được ưu tiên hàng đầu
- Lợi thế cạnh tranh của VinaSecurities là đội ngũ nhân viên
- VinaSecurities luôn nỗ lực tối đa đáp ứng nhu cầu khách hàng hơn mức mong đợi
- Đổi mới và hiện đại là biện pháp duy nhất để tồn tại. Để đạt được mức độ tiên tiến cao, VinaSecurities liên tục thu hút, trọng dụng và khích lệ đội ngũ nhân viên.
- Trung thực và thành thật là nguyên tắc nền tảng của hoạt động kinh doanh của VinaSecurities. Mọi nhân viên của VinaSecurities luôn duy trì chuẩn mực đạo đức cao trong mọi công tác hàng ngày.
- Lợi dụng và trục lợi thông tin là tuyệt đối cấm tại VinaSecurities.
- Hoạt động của VinaSecurities mang tính cạnh tranh cao, nhưng VinaSecurities luôn thể hiện linh thần cạnh tranh lành mạnh, tuyệt đối không xúc phạm thanh danh của các công ty khác.
- Xây dựng đội ngũ chuyên gia kỹ cựu thuộc các lĩnh vực kinh doanh, giao dịch, phân tích và đầu tư chứng khoán, tài chính doanh nghiệp.
- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa tập quán quốc tế và kiến thức thị trường nội địa.
- Chăm sóc và nâng cao tinh thần, vật chất đối với lực lượng lao động của Công ty.



- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng về khách hàng, đoàn kết và thực hiện nghiêm túc các quy định ngành.
- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong và ngoài nước.





Báo cáo của Ban Giám đốc

- Diễn biến thị trường chứng khoán
- Kết quả hoạt động kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Tổ chức và nhân sự
- Kế hoạch phát triển



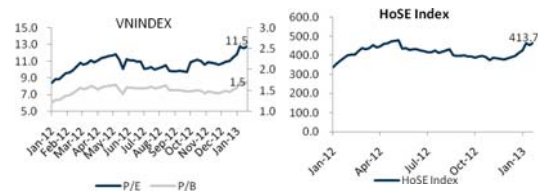
Diễn biến thị trường chứng khoán

Điểm lại thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2012 với những biến động tích cực lẫn tiêu cực

Năm 2012 là một năm tốt hơn so với năm 2011 của thị trường chứng khoán Việt Nam khi chỉ số VN-index tăng 17,7% đóng cửa tại mức 413,7 điểm và trên sàn Hà Nội, chỉ số HNX-index giảm 2,8% đóng cửa ở mức 57,09 điểm.

Mặc dù các chỉ số đạt hiệu quả tốt hơn, nhìn chung tỷ suất lợi nhuận của các mã chứng khoán trên thị trường chỉ có một vài mã blue chip nước ngoài là tốt, các mã chứng khoán khác còn lại đều có tỷ suất lợi nhuận khá xấu. Ở xu hướng tăng, giá cổ phiếu của Vinamilk (VNM) và Masan (MSN) tăng hơn 52,6% và 12,7% tương ứng. Những yếu tố tích cực khác như Sacombank đã tăng vọt 1,8% do dự đoán việc thầu tóm từ việc sáp nhập với Eximbank. Các mã chứng khoán giảm giá mạnh gồm có PetroVietnam Gas (giảm 5,85%) và tập đoàn Kinh Bắc (giảm 41,5%).

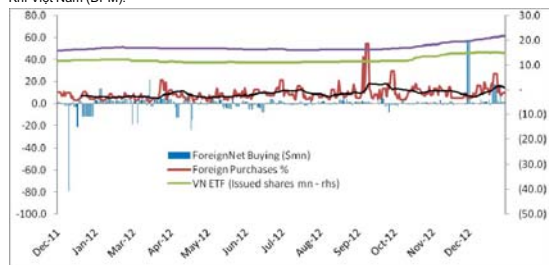
Trong suốt năm 2012, giá trị của các cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam đã tăng do tăng trưởng lợi nhuận được duy trì so với năm trước trong khi các chỉ số PE và P/B đều tăng. So với các thị trường châu Á khác, đặc biệt là các thị trường khối ASEAN (Thái Lan, Malaysia và Indonesia), giá cổ phiếu trên thị trường Việt Nam có vẻ bắt đầu tăng nhất là vào thời điểm cuối năm.



Thị trường chứng khoán sôi động trong các tháng đầu năm 2012, tuy nhiên sau tháng 5/2012 thị trường sụt giảm liên tục cho đến gần cuối năm. Tuy nhiên nguyên nhân thị trường chứng khoán hoạt động khá hơn năm 2011 chủ yếu là do lạm phát đã được kiểm soát và giảm đáng kể so với năm 2011 và là kết quả của việc tiếp tục áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Lạm phát đã giảm xuống và đạt mức 6,81% cho cả năm 2012. Đây là mức lạm phát thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây và là một thành công vượt bậc trong việc kiểm soát lạm phát từ mức hai con số của năm 2011. Lãi suất đã giảm mạnh trong quý 4 năm 2012 do lạm phát đã giảm xuống ở mức một con số. Mức lãi suất giảm mạnh có ảnh hưởng từ quan ngại lan rộng về tăng trưởng kinh tế mà kết thúc năm đã đạt 5,03%.



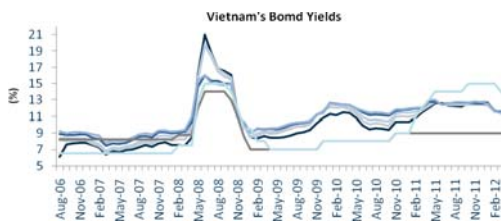
Năm 2012, nhà đầu tư nước ngoài mua ròng mạnh mẽ các cổ phiếu của công ty Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài mua tổng cộng đạt 307.5 triệu USD trên sàn Hose trong năm 2012. Hai nguồn mua chính của khối nước ngoài là hai quỹ giao dịch chỉ số ETF là DB-Tracker FTSE Vietnam và Market Vector Vietnam niêm yết ở thị trường Mỹ. Tổng cộng hai quỹ đầu tư này nắm giữ danh mục trị giá trên 500 triệu USD tại thị trường Việt Nam. Một số mã cổ phiếu chiếm tỷ trọng đầu tư lớn của hai quỹ ETF này gồm có Masan (MSN), Vincom (VIC), Hoàng Anh Gia Lai (HAG), Vietin Bank (CTG) và Tổng công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu Khí Việt Nam (DPM).



Source Bloomberg

Thị trường trái phiếu

Trong năm 2012, tỷ suất lợi nhuận trái phiếu trên thị trường thứ cấp có xu hướng giảm. Tỷ suất lợi nhuận của trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 năm vào đầu năm đạt 12,6% và kết thúc năm đạt 9,75%, giảm 285 điểm phần trăm so với đầu năm. Tuy nhiên, tại một số thời điểm khác nhau trong năm, tỷ suất lợi nhuận trái phiếu có lúc đạt thấp nhất 9,25% đối với trái phiếu kỳ hạn 3 năm đến 5 năm. Thực tế lợi suất trái phiếu trên thị trường thứ cấp giảm xuống mức một con số này cho thấy các nhà đầu tư trở nên lạc quan hơn về lạm phát cũng như rủi ro thanh khoản trong toàn bộ nền kinh tế vĩ mô.



Source Bloomberg



Kết quả hoạt động kinh doanh

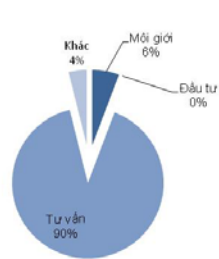
Doanh thu

	2012	2011
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.009	2.063
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	-	39
Doanh thu hoạt động tư vấn	31.517	21.989
Doanh thu khác	1.350	3.745
Tổng cộng	34.877	27.836

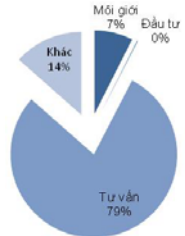
Đvt: triệu đồng

Kết thúc năm tài chính 2012, VinaSecurities đạt được 35 tỷ đồng doanh thu, một mức doanh thu tương đối trong bối cảnh thị trường ảm đạm và nền kinh tế sụt giảm. Mức doanh thu này chủ yếu bao gồm doanh thu Môi giới đạt 2 tỷ đồng, doanh thu tư vấn đạt 32 tỷ đồng và doanh thu khác đạt 1,3 tỷ đồng. Nhìn chung, doanh thu năm 2012 tăng trưởng 25% so với doanh thu năm 2011 chủ yếu là do mảng dịch vụ tư vấn mà VinaSecurities tập trung phát triển từ các năm trước bắt đầu đem lại hiệu quả.

Doanh thu 2012



Doanh thu 2011



Kế thừa từ năm 2011, doanh thu tư vấn năm 2012 giữ vững mức tăng trưởng và tăng 43% so với năm 2011 và chiếm tỷ trọng chủ yếu 90% trong tổng doanh thu của năm 2012 và tăng 11% so với tỷ trọng 79% của năm ngoái. Thừa hưởng nền tảng ban đầu mà VinaSecurities đã xây dựng trong năm 2009 và 2010, doanh thu tư vấn năm 2012 đã đạt 32 tỷ đồng.

Doanh thu hoạt động môi giới giảm 3% so với năm 2011, chiếm 6% tổng doanh thu. Kết quả của hoạt động môi giới chủ yếu có nguyên nhân từ tình hình ảm đạm của thị trường chứng



khoản trong 3 quý cuối năm 2012. Kết thúc năm 2012, số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán giảm 2% so với cuối năm 2011.

Tương tự như doanh thu môi giới, doanh thu khác giảm mạnh 64% so với năm ngoái, chỉ đạt 1,3 tỷ trong cả năm 2012. Mức sụt giảm của doanh thu khác làm cho tỷ trọng đóng góp vào tổng doanh thu giảm từ 13% xuống còn 4% ở năm 2012. Doanh thu khác giảm mạnh chủ yếu là do thu nhập từ tiền gửi ngân hàng có chiều hướng giảm tương ứng với lãi suất huy động công bố giảm liên tục trong năm 2012 so với năm 2011.

Hoạt động Tư Vấn Tài Chính

Hợp tác chiến lược độc quyền với Macquarie trong lĩnh vực tư vấn tài chính mà VinaSecurities ký kết vào tháng 10 năm 2010 đã mang đến cho VinaSecurities những thành công ban đầu trong năm 2011 và 2012. Doanh thu tư vấn tài chính đạt mức tăng trưởng 43% so với năm 2011 mặc dù bị ảnh hưởng rất lớn bởi tình hình kinh tế vĩ mô và đã sụt giảm của thị trường chứng khoán.

Tiếp nối thành công đáng chú ý nhất trong năm 2011 là việc hoàn thành hợp đồng cung cấp tư vấn cho bên bán trong giao dịch mua bán một loạt bệnh viện tư nhân Hoàn Mỹ ("HMC") hàng đầu ở Việt Nam, trong năm 2012 VinaSecurities vẫn tiếp tục triển khai tích cực các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp. Cụ thể, VinaSecurities đã ký kết một số hợp đồng tư vấn lớn trong đó tiêu biểu nhất là hoàn thành hợp đồng tư vấn phát hành thêm 14 triệu cổ phiếu của Tập đoàn Kinh Đô, trị giá 32 triệu Đô la Mỹ cho Ezaki Gilco Co Ltd và hợp đồng tư vấn sáp nhập 3 ngân hàng thương mại đầu tiên của Việt Nam là Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Ngân hàng Tín Nghĩa và ngân hàng Đề Nhất.



Nguồn: Internet

Tháng 01/2012, thông qua VinaSecurities, Công ty Ezaki Gilco đã trở thành đối tác chiến lược của KDC nắm giữ 14 triệu cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ của KDC. Công ty Ezaki Gilco có trụ sở chính tại Nhật Bản, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thực phẩm, bao gồm bánh kẹo, các sản phẩm làm từ sữa, và thực phẩm chế biến. Với 90 năm kinh nghiệm và với các đổi mới sáng tạo về sản phẩm cũng như tiếp thị, hiện Gilco đang dẫn đầu trong lĩnh vực bánh kẹo với doanh thu bán hàng năm 2011 đạt 3.5 tỷ USD. Theo thỏa thuận, Gilco sẽ bán các sản phẩm tại Việt Nam thông qua hệ thống phân phối của KDC. Gilco sẽ thực hiện mảng marketing còn KDC sẽ chịu trách nhiệm bán hàng, phân phối và dịch vụ khách hàng. Thương vụ thành công đã giúp KDC đạt mục tiêu 1.000 tỷ đồng doanh thu từ các sản phẩm của Gilco trong năm 2016.



Đồng tư vấn với Macquarie về sáp nhập 3 ngân hàng của Việt Nam là Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB), Ngân hàng Tín Nghĩa (TNB) và Ngân hàng Đề Nhất (FICOM). Đây là thương vụ sáp nhập ngân hàng đầu tiên, khơi mào cho các thương vụ sáp nhập ngân hàng sau đó, theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước vào tháng 8/2011. Tháng 10/2011, FICOM, SCB và TNB ký Biên Bản Ghi Nhớ về việc hợp tác và lấy tên ngân hàng mới là Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Giao dịch này được sự hỗ trợ tối đa của chính phủ và các cơ quan quản lý về mặt thủ tục giấy tờ nhằm đẩy nhanh quá trình hợp nhất. Nhờ đó, Macquarie và VinaSecurities đã hoàn tất thương vụ chỉ trong vòng 2.5 tháng kể từ khi bắt đầu ký Biên Bản Ghi Nhớ. Ngày 02/01/2012, Ngân hàng TMCP Sài Gòn chính thức được thành lập, với tổng tài sản là 156.626 tỉ đồng, tổng vốn điều lệ là 10.583 tỉ đồng và 230 chi nhánh trên cả nước.



Bộ phận tư vấn hiện tại với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm thực tế trong và ngoài nước có thể nói là một đội ngũ mạnh so với các công ty chứng khoán khác. Về mặt nghiệp vụ, đội ngũ tư vấn tài chính doanh nghiệp cũng được Macquarie hỗ trợ trong việc đào tạo chuyên môn, bổ sung thêm các kỹ năng kiến thức chuyên sâu trong tư vấn tài chính doanh nghiệp để nâng cao nghiệp vụ, chất lượng các dịch vụ nhằm phù hợp với tình hình kinh tế trong thời gian tới.

Bộ phận tư vấn doanh nghiệp của VinaSecurities hiện cung cấp nhiều dịch vụ tư vấn tài chính bao gồm tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn niêm yết, tư vấn mua bán sáp nhập, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn chiến lược.

Hoạt động Môi giới

Cùng với sự giảm sút liên tục của chỉ số VN Index kể từ tháng 5/2012 và tính kém thanh khoản của thị trường chứng khoán trong các tháng sau tháng 5/2012, hoạt động môi giới tại VinaSecurities cũng có hiệu quả không khả quan. Tổng khối lượng chứng khoán giao dịch giảm 23% so với năm 2011, giá trị giao dịch cũng giảm tương ứng 17% so với năm 2011. Tương tự, khối lượng giao dịch của khách hàng tổ chức giảm 23% so với năm 2011 và khối lượng giao dịch của nhóm khách hàng cá nhân giảm 3%.

Kể từ 2011, cơ cấu khách hàng của VinaSecurities có sự thay đổi tích cực theo đúng chiến lược đặt ra. Trong năm 2010, giao dịch của nhóm khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng 48% trong tổng giá trị giao dịch, giao dịch của nhóm khách hàng tổ chức chiếm tỷ trọng 52% tổng giá trị giao dịch. Đến năm 2012, tỷ trọng này tương ứng là 5% (2011: 5%) và 95% (2011: 95%). VinaSecurities đã từng bước củng cố và phát triển tập trung vào nhóm khách hàng tổ chức.

Sau một năm thực hiện tất toán hàng loạt tài khoản giao dịch do đóng cửa chi nhánh tại Hà Nội vào năm 2010, cuối năm 2012 số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán giảm 2% so với cuối năm 2011. Mặc dù 2012 là một năm vọt cùng khó khăn, VinaSecurities vẫn mở được



một số lượng đáng kể tài khoản của tổ chức nước ngoài. Số lượng tài khoản tổ chức nước ngoài tăng 38% so với cuối năm 2011. Mặc dù hướng tập trung vào nhóm khách hàng là các tổ chức tài chính, doanh nghiệp, VinaSecurities cũng theo đuổi nhóm khách hàng cá nhân trong và ngoài nước có năng lực đầu tư tốt. Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của cá nhân giảm 3% so với cuối năm 2011. Trong số các tài khoản giao dịch chứng khoán mở mới trong năm 2012, tài khoản cá nhân chiếm tỷ trọng 25% và tài khoản tổ chức chiếm 75%.

VinaSecurities đã tiến hành hợp tác P-Note và một nhóm các sản phẩm dành cho các cổ phiếu của công ty Việt Nam với Macquarie nhằm cung cấp cho nhà đầu tư nước ngoài, là những nhà đầu tư chưa có mã số giao dịch chứng khoán, kênh tiếp cận thị trường chứng khoán Việt Nam, cũng như phục vụ các khách hàng hiện có. Thêm vào đó, VinaSecurities cũng đẩy mạnh mảng dịch vụ qua đó giúp khách hàng tìm hiểu và tiếp cận các công ty Việt Nam, cụ thể VinaSecurities đã tổ chức hàng loạt cuộc tìm hiểu tiếp xúc thị trường, công ty Việt Nam cho các nhà quản lý quỹ hàng đầu trên thế giới trong lần đầu họ tiếp cận thị trường Việt Nam. Hội nghị nhà đầu tư ASEAN của Macquarie trong năm 2012 là một thành công điển hình, khi 3 công ty Việt Nam, một tổ chức đa quốc tịch có cơ hội tham dự để giới thiệu về công ty của họ, về nhận định và cơ hội đầu tư với các nhà đầu tư.

Trong năm 2012, VinaSecurities tiếp tục đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin nhằm hiện đại hóa công nghệ, nâng cao năng lực phục vụ khách hàng cũng như góp phần thúc đẩy tăng trưởng doanh thu trong năm cũng như các năm trong tương lai. Hệ thống giao dịch mới Invest Expert của TTL, một hệ thống core hiện đại ổn định đã hoạt động ổn định với nhiều tính năng mới.

Nhằm trong kế hoạch hiện đại hóa công nghệ, VinaSecurities tiếp tục xây dựng và triển khai website thế hệ mới với nhiều sự đổi mới như cung cấp đầy đủ thông tin các doanh nghiệp niêm yết, phân tích kỹ thuật, tra cứu lịch sử giá, dữ liệu thị trường, và nhiều tính năng hữu ích khác nhằm phục vụ tốt hơn các khách hàng.

Hoạt động Nghiên cứu phân tích

Đóng góp một phần đáng kể vào sự tăng trưởng và phát triển các dịch vụ của VinaSecurities phải kể đến hoạt động của bộ phận Nghiên cứu phân tích. Đội ngũ nhân viên phân tích hiện có là một trong những đội ngũ phân tích mạnh nhất thị trường với năng lực thể hiện như sau:

- Là công ty đầu tiên đưa ra các báo cáo với các khuyến nghị dựa trên các yếu tố thị trường để hỗ trợ nhà đầu tư chọn lựa chứng khoán.
- Là công ty đầu tiên phân tích chứng khoán với các dự báo từ 3 đến 5 năm nếu ra trong Báo cáo lãi & lỗ, Báo cáo dòng tiền mặt và Bản cân đối tài khoản.
- Là công ty đầu tiên thực hiện các bản tin nhanh tóm lược về các công ty niêm yết.
- Thực hiện các báo cáo phân tích chứng khoán toàn diện nhất tại Việt Nam.
- Việc phân tích chứng khoán dựa trên nền tảng của khả năng chuyên môn về định giá chứng khoán và mô hình tài chính doanh nghiệp vững chắc.



Đồng thời, bộ phận Nghiên cứu phân tích đặc biệt chú ý đến yếu tố chất lượng nhằm mang lại sản phẩm độc đáo "hiệu quả nhất trên thị trường" cho khách hàng.

Trong năm 2012, hoạt động Nghiên cứu phân tích đã cung cấp các sản phẩm phân tích sau:

- Bản tin thị trường hàng ngày: cung cấp tóm tắt tình hình và xu hướng thị trường trong ngày cũng với bình luận của VinaSecurities.
- Báo cáo phân tích công ty: phân tích toàn diện và chuyên sâu các công ty niêm yết cũng như cập nhật các thông tin có liên quan ảnh hưởng đến các công ty này một cách thường xuyên.
- Báo cáo phân tích tình hình kinh tế vĩ mô: định kỳ hàng tháng phân tích tình hình kinh tế và ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô đến thị trường chứng khoán
- Bình luận kinh tế vĩ mô: bình luận các sự kiện kinh tế vĩ mô cụ thể
- Báo cáo phân tích chiến lược



Năm 2011 đánh dấu năm đầu tiên trong hợp tác chiến lược với Macquarie Securities trong lĩnh vực Nghiên cứu phân tích. VinaSecurities đã đạt được nhiều thành tựu trong suốt năm qua. VinaSecurities cũng hợp tác với Macquarie xuất bản báo cáo chiến lược về thị trường mới nổi bao gồm Việt Nam, Bangladesh, Pakistan và Sri Langka và về cổ phiếu PVD, PNJ và một số cổ phiếu khác. Bên cạnh đó, trong tháng 8/2011, VinaSecurities cũng đã phát hành báo cáo công ty đầu tiên dưới tên của VinaSecurities và Macquarie, được phân phối toàn cầu thông qua mạng lưới hoạt động của Macquarie.

Tiếp nối từ đó, trong năm 2012, đánh dấu là năm thứ 2 trong hợp tác chiến lược toàn diện với Macquarie, VinaSecurities đã tiếp tục mở rộng và phát hành thêm nhiều báo cáo nghiên cứu về nhiều công ty blue chip Việt Nam.

Trong năm 2012, VinaSecurities đã phát hành các báo cáo nghiên cứu chuyên sâu, là báo cáo Chiến lược Tháng 8 và báo cáo chuyên đề ngành Ngân hàng tháng 11.

Quản trị rủi ro

Bên cạnh việc đầu tư cho hệ thống giao dịch ngày càng hiện đại, phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, VinaSecurities tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định nội bộ trong hoạt động Môi giới, tư vấn, nghiên cứu, công nghệ thông tin, tài chính kế toán, nhân sự nhằm nâng cao chất lượng của hệ thống quy chế, quy trình, quy định nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ. Đây là một trong các yếu tố giúp VinaSecurities nâng cao chất lượng dịch vụ và kiểm soát được rủi ro.



VinaSecurities thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ các hoạt động của VinaSecurities như email, voice mail, điện thoại, quản lý khách hàng, quản lý hệ thống máy chủ, vv... nhằm tối đa hóa sử dụng, tăng cường tính năng động và ngăn chặn rủi ro.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Kết thúc năm tài chính 2012, VinaSecurities đạt lợi nhuận trước thuế là 1.2 tỷ đồng. Sau nhiều năm có kết quả kinh doanh bị lỗ, năm 2012 VinaSecurities đã đạt được mức lợi nhuận hòa vốn. Đây là kết quả đánh dấu cột mốc quan trọng trong hoạt động kinh doanh của VinaSecurities khi đã bắt đầu khắc phục tình trạng lỗ trong nhiều năm. Mức lợi nhuận 1.2 tỷ đồng đạt được trong năm nay tăng 105% so với năm 2011. Kết quả này tuy đã phản ánh tình hình khả quan trong hoạt động kinh doanh của VinaSecurities, vẫn còn cho thấy tình hình kém hiệu quả của hoạt động mới giới do ảnh hưởng của thị trường chứng khoán hoạt động kém hiệu quả trong năm 2012. Lợi nhuận đạt được chủ yếu đóng góp bởi hoạt động Tư Vấn Tài Chính và Tư Vấn Đầu tư có doanh thu tăng 43% trong khi hoạt động Môi Giới sụt giảm 3% doanh thu. Ngoài đóng góp từ doanh thu tăng trưởng 25% so với năm 2011, kết quả kinh doanh năm nay cũng là hiệu quả của việc cắt giảm toàn diện chi phí, cắt giảm nhân sự trong năm nhằm đạt hiệu quả trong kinh doanh.

Lợi nhuận gộp năm 2012 tăng 194% so với năm 2011 tăng lên 36% từ mức lỗ gộp -30% của năm 2011. Điều này thể hiện sự cải thiện rõ rệt trong các hoạt động kinh của VinaSecurities. Tổng chi phí giảm 40% so với năm 2011 trong đó chi phí hoạt động kinh doanh giảm 62% và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 23% so với năm 2011. Trong năm 2012, Công ty có biến động lớn về số lượng nhân sự do việc cắt giảm chi phí toàn diện và thu hẹp các mảng hoạt động không mang tính chất nặng cốt cũng như ảnh hưởng từ việc thay đổi nhân sự trong ban lãnh đạo của VinaSecurities. Bên cạnh đó, cơ cấu trả lương cũng đã thay đổi theo đó gắn liền với kết quả kinh doanh đạt được của từng nhân viên. Ảnh hưởng của các thay đổi này là chi phí nhân viên trong năm 2012 giảm 54% so với năm 2011.

Kết quả của việc cắt giảm toàn diện chi phí là chi phí thuê văn phòng giảm 44% so với năm 2011 do VinaSecurities chuyển đến địa điểm mới với chi phí thuê rẻ hơn và chi phí các dịch vụ mua ngoài cũng giảm 5% so với năm ngoài. Góp phần vào việc giảm tổng chi phí còn có chi phí khấu hao đã giảm 6% so với năm ngoài.

Dvt: triệu đồng

	2012	2011	% tăng/giảm
Tổng tài sản	36.984	58.516	-37%
Doanh thu thuần	34.877	27.836	25%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.167	(28.334)	104%
Thu nhập khác	111	19	489%
Tổng chi phí	33.710	56.170	-40%



Dvt: triệu đồng

	2012	2011	% tăng/giảm
Lợi nhuận /(Lỗ) trước thuế	1.278	(28.315)	105%
Lợi nhuận /(Lỗ) sau thuế	1.278	(28.315)	105%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%

Tình hình tài sản và công nợ

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm đạt 37 tỷ đồng, giảm 37% so với năm 2011 chủ yếu tài sản ngắn hạn giảm 41% so với năm ngoài. Trong năm 2012, các khoản phải thu tồn đọng vào cuối năm ngoài đã được thu hồi, góp phần giảm các khoản phải thu 96% từ 39 tỷ xuống còn 1.7 tỷ vào cuối năm 2012. Tiền và các khoản tương đương tiền tăng đáng kể 183% so với cuối năm ngoài do đã thu hồi các khoản công nợ tồn đọng và các khoản doanh thu đạt được trong năm.

Tài sản dài hạn giảm 13% so với năm 2011, cụ thể giảm từ 8.5 tỷ xuống còn 7.4 tỷ chủ yếu có nguyên nhân từ việc khấu hao tài sản cố định và khoản tiền đặc cọc tăng thêm.

Nợ phải trả giảm 81% so với năm 2011 xuống còn 5 tỷ từ khoản nợ 28 tỷ vào cuối năm 2011. Các khoản nợ tại thời điểm cuối năm là nợ các nhà cung cấp dịch vụ, chủ yếu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh bình thường hiện tại.

Dvt: triệu đồng

	2012	2011	% tăng/giảm
TÀI SẢN			
Tài sản ngắn hạn	29.564	49.945	-41%
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.325	9.315	183%
Các khoản phải thu	1.753	39.334	-96%
Tài sản ngắn hạn khác	1.486	1.296	15%
Tài sản dài hạn	7.420	8.572	-13%
Tài sản cố định	5.297	7.260	-27%
Tài sản dài hạn khác	2.123	1.312	62%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	36.984	58.517	-37%
NGUỒN VỐN			
Nợ phải trả	5.184	27.996	-81%
Nguồn vốn chủ sở hữu	31.800	30.521	4%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	36.984	58.517	-37%

Chỉ tiêu tài chính cơ bản

Cơ cấu Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 47,84% xuống còn 14,02% vào cuối năm 2012 cho thấy tình hình công nợ của VinaSecurities đã cải thiện đáng kể, cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu khá tốt theo đó vốn chủ sở hữu cao gấp 6 lần tổng nợ.



Khả năng thanh toán trong năm 2012 tăng gần 4 lần so với năm 2011. Khả năng thanh toán nhanh trong năm 2012 cũng có cùng chiều hướng tăng thêm 5 lần so với năm 2011.

Các tỷ số sinh lời có cải thiện đáng kể. Mặc dù các tỷ số sinh lời đạt được vẫn ở mức thấp so với mức trung bình trên thị trường, chỉ khoảng 3%-4%, nhưng báo hiệu dấu hiệu tốt đối với tình hình tài chính của VinaSecurities.

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2011
Cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định/tổng tài sản	%	20,06	14,65
Tài sản lưu động/tổng tài sản	%	79,94	85,35
Cơ cấu vốn			
Nợ/tổng nguồn vốn	%	14,02	47,84
Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	%	85,98	52,16
Khả năng thanh toán			
Tổng tài sản/nợ phải trả	Lần	7,13	2,09
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	5,70	1,80
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	5,42	0,34
Tỷ suất sinh lời			
Lãi/(Lỗ) thuần/doanh thu thuần	%	3,66	(62,42)
Lãi/(Lỗ) thuần/tổng tài sản	%	3,46	(48,39)
Lãi/(Lỗ) thuần/vốn chủ sở hữu	%	4,02	(92,77)

Cơ cấu cổ đông

Số lượng cổ phần

Tại ngày kết thúc năm tài chính, vốn cổ phần của VinaSecurities là 185 tỷ đồng, chia thành 18.500.000 cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) với chi tiết như sau:

Stt	Diễn giải	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ phần chuyển nhượng tự do	18.500.000	100 %
2	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0	0%
Tổng cộng		18.500.000	100 %



Cơ cấu cổ đông

Trong năm 2012 đã có sự thay đổi lớn trong cơ cấu cổ đông của VinaSecurities. Theo đó, cổ đông sáng lập và các cổ đông lớn như VinaCapital Group Limited đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn cổ phần trong VinaSecurities cho các cổ đông khác.

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Stt	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng số lượng cổ phần phổ thông	18.500.000	100 %
	Cổ đông sáng lập	0	0%
	Cổ đông lớn	18.500.000	100%
	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	0	0 %
2	Trong đó		
	Cổ đông Nhà nước	0	0%
	Cổ đông trong nước	9.435.000	51%
	Cổ đông nước ngoài	9.065.000	49%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2012, không có đợt tăng vốn cổ phần nào phát sinh bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2012 không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

Cổ tức/lợi nhuận chia cho các cổ đông

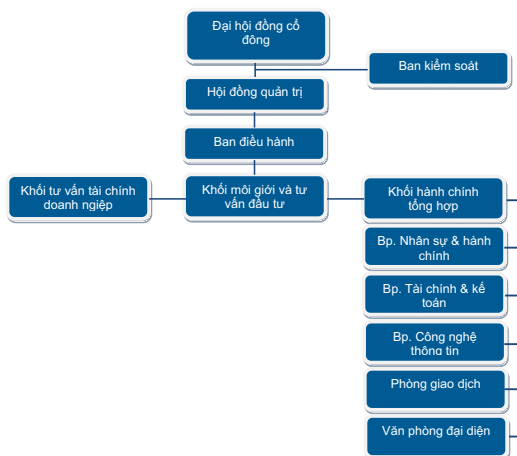
Trong năm 2012, VinaSecurities không thực hiện chia cổ tức cho năm 2012.





Tổ chức và nhân sự

Cơ cấu tổ chức



Ban Giám Đốc và các nhân sự chủ chốt

Ban Giám Đốc của VinaSecurities gồm có các thành viên sau:

Lâm Thị Tố Nga	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2009
Hunt Gia Macnguyen	Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm từ 18 tháng 5 năm 2012

Bà Lâm Thị Tố Nga có quốc tịch Việt Nam, có gần 10 năm kinh nghiệm trong vai trò kiểm toán viên tại công ty Arthur Andersen và KPMG, cung cấp dịch vụ cho nhiều công ty đa quốc gia và trong nước thuộc nhiều lĩnh vực. Trước khi gia nhập VinaSecurities, Bà Nga là Giám Đốc Tài Chính tại CTCP Chứng Khoán Hoa Sen Vàng. Bà Nga tốt nghiệp Cử Nhân Kế Toán và Kiểm Toán tại Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh và Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh về Tài



Chính Doanh Nghiệp. Bà Nga còn là thành viên Hiệp Hội Kiểm Toán Viên Công Chứng Việt Nam, thành viên Hiệp Hội Kế Toán và Kiểm Toán Viên Công Chứng Vương Quốc Anh.

Các thành viên Ban Giám Đốc được hưởng thu nhập bao gồm tiền lương, tiền thưởng và chế độ bảo hiểm như mọi nhân viên làm việc tại VinaSecurities, ngoài ra không có quyền lợi gì khác.

Đội ngũ nhân sự chủ chốt

MÔI GIỚI Adrian Cundy	Giám đốc Môi giới
TƯ VẤN Trần Thủy Giang Nguyễn Thị Minh Trang Lê Chí Thành	Giám đốc Tư Vấn Trưởng phòng Tư Vấn Trưởng nhóm Tư Vấn
NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH Andrew Clarke	Giám đốc Phân Tích

Chính sách nhân sự

Tuyển dụng

Chiến lược phát triển khách hàng của VinaSecurities tập trung vào các nhà đầu tư, do vậy các báo cáo phân tích và nhận định thị trường, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đòi hỏi cần có một đội ngũ có chuyên môn sâu và rộng, đồng thời có khả năng giao tiếp và viết tiếng Anh lưu loát do vậy VinaSecurities đã gặp không ít khó khăn trong việc tuyển dụng những nhân tài có đầy đủ chuyên môn và khả năng ngoại ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

Nhằm nâng cao tính cạnh tranh và thu hút nhân tài, VinaSecurities luôn xem xét tình hình nhân sự cầu người lao động lên hàng đầu. Ngoài việc đáp ứng các nhu cầu tối thiểu, VinaSecurities còn thiết lập một cơ chế thăng tiến trong nghề nghiệp rất rõ ràng, bao gồm các tiêu chí đánh giá và phát triển một cách công bằng, kịp thời.

Chính sách nhân sự

VinaSecurities luôn lắng nghe ý kiến đóng góp của người lao động về việc cải tiến môi trường làm việc, văn hóa doanh nghiệp, quan hệ lãnh đạo và đồng nghiệp.

Ngoài việc hưởng tiền lương hấp dẫn, chế độ phép năm tốt, tiền thưởng cuối năm, VinaSecurities còn có chính sách chăm sóc sức khỏe người lao động bằng cách mua gói bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cao cấp cho cả người lao động và vợ/chồng con của người lao động. Toàn bộ nhân viên VinaSecurities được hưởng đầy đủ các chính sách bảo hiểm bắt buộc theo luật định như bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế và bảo hiểm sức khỏe tự nguyện



do VinaSecurities mua theo chương trình bảo hiểm Vietnam Care của Bảo Việt và Gras Savoye Will Vietnam.

Trong năm 2012 VinaSecurities đã thực hiện việc tái cấu trúc và tinh giản bộ máy nhân sự của toàn công ty dẫn đến việc cắt giảm nhiều nhân sự, bao gồm cả nhân sự cấp cao.

Đào tạo

Chính sách đào tạo và phát triển nhân tài tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện và môi trường làm việc thoải mái để nhân viên có cơ hội kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức và kinh nghiệm thực tế. Thời gian và không gian làm việc linh hoạt là một nét văn hóa điển hình được Công ty áp dụng nhằm mang lại tinh chủ động trong công việc cho nhân viên.

Mặc dù VinaSecurities gặp nhiều khó khăn trong năm qua, nhưng VinaSecurities đã tạo điều kiện thuận lợi cho một số cán bộ tham gia các kỳ thi CFA cấp độ II và cấp độ III.



Kế hoạch phát triển

Thị trường Việt Nam đang vốn hóa ở mức 26% GDP là thị trường nhỏ nhất trong khu vực so với Singapore đạt mức 140%, Ấn Độ là 60% và Trung Quốc là 40%. Trong các năm kế tiếp từ 2012-2015 được kỳ vọng sẽ xảy ra nhiều sự kiện lớn thúc đẩy sự tăng trưởng của thị trường như sau:

- Nền kinh tế ổn định trở lại với GDP trên đà tăng trưởng vững chắc. Nhà đầu tư bắt đầu có lại niềm tin.
- Việc cổ phần hóa các công ty nhà nước sẽ bắt đầu lại sau thời kỳ khủng hoảng kinh tế năm 2009 và 2011
- Qui định về quyền sở hữu của bên nước ngoài dự định sẽ nới lỏng để thu hút nguồn vốn nước ngoài.

Bên cạnh đó, Sàn giao dịch TP. Hồ Chí Minh có kế hoạch sẽ trở thành thị trường chính của quốc gia và sàn giao dịch Hà Nội chủ trọng vào việc giao dịch cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu. Đồng thời, thị trường phái sinh (đặc biệt về quyền chọn chứng khoán và hợp đồng tương lai) được dự tính hình thành và đi vào hoạt động. Một trung tâm lưu ký chứng khoán cho cả hai sàn giao dịch TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội dự tính sẽ được thành lập vào năm 2015.

Thêm vào đó, thị trường Việt Nam có một số đặc điểm hứa hẹn:

- Các ngành tăng trưởng mạnh gồm: kinh doanh nông nghiệp có qui mô, cà phê, cao su, thủy sản.
- Các khoản tiền tiết kiệm tạo nên nguồn vốn có thể được huy động khi điều kiện thị trường thuận lợi.
- Các ngân hàng lớn lần lượt niêm yết và các giao dịch mua bán và sáp nhập công ty sẽ là nguồn cung hàng hóa thường xuyên cho thị trường chứng khoán.
- Khối lượng giao dịch chứng khoán trong nước phát triển báo hiệu sự tăng trưởng của ngành dịch vụ tài chính trong nhiều năm đến.

Các dự báo chính trong năm 2013

Chính phủ đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát không vượt quá 8% và tăng trưởng kinh tế đạt 6.5% cho năm 2013. Qua những tuyên bố của Chính phủ gần đây cho thấy, Chính phủ sẵn sàng đạt được các mục tiêu này bằng cách sẽ tiếp tục giữ chính sách thắt chặt tiền tệ, nhưng giữ mức tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng ở mức 12% trong năm 2013. Đồng thời Ngân Hàng Nhà Nước cũng tiếp tục quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, với mục tiêu ổn định hệ thống tài chính trong nền kinh tế. Với những lý do trên, chúng tôi tin rằng năm 2013 vẫn là năm chuyển đổi chính của Việt Nam, chúng tôi cũng nhận định rằng chính sách và thanh khoản sẽ được giữ chặt ngay cả khi lạm phát đã được kiểm soát.



Dự báo chính	2011A	2012A	2013E
Tăng trưởng GDP thực	5.9%	5.0%	5.0
Lạm phát (YoY)	18.1%	6.8%	8.5
Lạm phát (avg)	18.6%	9.3%	8.0
Tỷ giá VND/USD (Liên ngân hàng)	21,034	20,843	22,000
Dự trữ ngoại hối (USDbn)	13.0	22.0	30.0
Xuất khẩu (USDbn)	96.2	114.6	136.8
Nhập Khẩu (USDbn)	105.8	114.3	140.0
Thâm hụt cán cân thương mại (USDbn)	9.6	-0.3	3.2
Vốn FDI cam kết (USDbn)	10.5	14.0	16.0
Vốn FDI Giải ngân (USDbn)	9.0	10.5	12.0
Tăng trưởng tín dụng	12.0%	15.0%	12.0%

Đối với thị trường chứng khoán, thị trường Việt Nam có vẻ đã chạm đáy ở mức 11 lần thu nhập. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng dự kiến khoảng 10-15% cho thu nhập năm 2013, và lạm phát sẽ được kiểm soát. Trên cơ sở đó kỳ vọng hợp lý là chỉ số VN-Index sẽ giao dịch ở mức 550 điểm trong vòng 6 tháng tới, và xa hơn nữa nếu chính sách kinh tế thận trọng được giữ nguyên và tiền đồng Việt Nam được giữ ở mức ổn định, chúng ta có thể sẽ thấy những chuyển biến tích cực hơn trong 6 tháng cuối năm 2013.

Kế hoạch phát triển

Ngày 27 tháng 10 năm 2010, VinaSecurities đã thành công trong việc ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Macquarie Capital Securities Limited, một thành viên của tổ chức tài chính toàn cầu, Macquarie Group (Macquarie, ASX: MQG) theo đó cho phép khách hàng của Macquarie tiếp cận vào thị trường tài chính Việt Nam, một trong những thị trường phát triển nhanh nhất của Châu Á và cho phép khách hàng của VinaSecurities tiếp cận các thị trường tài chính toàn cầu hiện tại của Macquarie. Phạm vi ban đầu của thỏa thuận giúp cho khách hàng của Macquarie có thể nhận được các báo cáo nghiên cứu về cổ phiếu tập trung vào thị trường Việt Nam và thực hiện giao dịch cổ phiếu các công ty Việt Nam. Thỏa thuận cũng bao gồm thỏa thuận đối tác độc quyền giữa VinaSecurities và Macquarie về cung cấp các giao dịch trên thị trường vốn, mua bán và sáp nhập và các tư vấn tài chính khác.

Macquarie Group ("Macquarie") là một nhà cung cấp dịch vụ toàn cầu về dịch vụ ngân hàng, tài chính, tư vấn, đầu tư và quản lý quỹ. Hoạt động kinh doanh chính của Macquarie tập trung vào kiếm lợi nhuận từ cung cấp nhiều loại dịch vụ đa dạng khác nhau cho khách hàng. Macquarie hoạt động như nhà nhận ủy thác của các tổ chức, công ty, và khách hàng cá nhân và đối tác trên khắp toàn cầu. Thành lập vào năm 1969, Macquarie có hơn 14.600 nhân viên ở hơn 70 văn phòng tại 28 nước khác nhau. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010, tổng tài sản mà Macquarie quản lý lên tới 326 tỷ AUD.



Kể từ năm 2011, do ảnh hưởng của sự suy thoái kinh tế toàn cầu nói chung, và khó khăn của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, Ban Giám đốc VinaSecurities đã thay đổi chiến lược sản xuất kinh doanh nhằm phù hợp với tình hình trước mắt. Năm 2012, VinaSecurities tiếp tục theo đuổi chiến lược kinh doanh chủ yếu tập trung vào khối khách hàng tổ chức và nhà đầu tư cả nhân nước ngoài. Không áp dụng việc dùng đòn bẩy tài chính, hoặc áp dụng các dịch vụ hỗ trợ đầu tư có tính rủi ro lớn, nhưng đem lại lợi nhuận thấp. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với Macquarie.

Song song, VinaSecurities không ngừng cải tiến và tái cấu trúc mô hình quản lý nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý, đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

Chiến lược Tư Vấn Tài Chính

Dựa trên hợp tác độc quyền với Macquarie, VinaSecurities đã điều chỉnh trọng tâm các hoạt động tư vấn tài chính theo hướng cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho thị trường trong và ngoài nước, tư vấn phát hành nợ quốc tế và phát hành vốn ở nước ngoài. VinaSecurities, với sự hợp tác tích cực từ hệ thống ngân hàng đầu tư quốc tế của Macquarie, xây dựng hoạt động kinh doanh và quan hệ kinh doanh rộng rãi với các tổ chức chính phủ, các tập đoàn kinh tế lớn cũng như là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhu cầu vốn quốc tế.

Bộ phận Tư Vấn Tài Chính của VinaSecurities trong thời gian gần đây đã thay đổi một cách cơ bản theo cấu trúc quản lý ít cấp bậc hơn, rộng hơn và hướng theo doanh thu với trọng tâm đặt vào 6 mảng chính gồm bất động sản, tài chính và bảo hiểm, hạ tầng cơ sở, công nghiệp, tái nguyên khoáng sản và TMET (điện thoại, truyền thông, giải trí và công nghệ).

Với nhu cầu vốn đầu tư to lớn của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân để tiếp tục thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong các năm sắp tới, VinaSecurities hiện đang có lợi thế tốt trong việc hỗ trợ nhu cầu mua bán sáp nhập ngày càng tăng cũng như việc cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính trong những năm sắp tới.

Bộ phận Tư Vấn Tài Chính của VinaSecurities tập trung theo chiến lược tìm kiếm và phục vụ các doanh nghiệp niêm yết và doanh nghiệp tư nhân hàng đầu, có quy mô lớn trong các ngành chiến lược như lĩnh vực Hàng Tiêu dùng, Nông nghiệp, Năng lượng, Tài chính, Thông tin Truyền thông.

VinaSecurities cũng không ngừng gia tăng mối quan hệ với các nhà đầu tư trong và ngoài nước nhằm nắm bắt nhu cầu đầu tư cũng như lắng nghe những yêu cầu chuyên biệt của từng nhà đầu tư trong thị trường. Từ đó, bộ phận Tư Vấn Tài Chính đưa ra những khách hàng và dịch vụ mục tiêu chủ trọng nhằm đưa đến những cơ hội đầu tư tốt nhất và phù hợp nhất với nhu cầu của các nhà đầu tư.

Chiến lược Môi giới

VinaSecurities hiện đang xây dựng và củng cố vị thế của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam bằng việc hướng đến khách hàng là các tổ chức trong và ngoài nước, nhóm khách hàng mà các công ty môi giới trong nước chưa quan tâm phục vụ tốt, cũng như là các nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp.



VinaSecurities nhằm đến gia tăng thị phần mỗi giới lên 5% giá trị giao dịch nước ngoài và đẩy mạnh dịch vụ tiếp cận thị trường trong các năm tới.

Khách hàng cá nhân trong nước: Với hệ thống giao dịch hiện đại, phân tích chứng khoán chất lượng hàng đầu, tuân thủ qui trình nội bộ theo chuẩn mực quốc tế và dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp, VinaSecurities hướng đến mục đích thu hút và có được quan hệ giao dịch lâu dài với khách hàng chuyên nghiệp nghiêm túc, có năng lực đầu tư.

Khách hàng nước ngoài: Nhiều phương thức sẽ được triển khai để khách hàng tiềm năng chú ý đến dịch vụ chất lượng của VinaSecurities như: liên lạc trực tiếp, quảng cáo phát hành rộng rãi, chương trình tiếp thị thông qua dịch vụ mạng, các báo cáo về lĩnh vực chứng khoán, gặp gỡ tiếp cận khách hàng.

Khách hàng công ty có mặt tại Việt Nam: Nhiều quỹ đã mở tài khoản tại các nhà môi giới mà không có kinh nghiệm thực hiện dịch vụ cho các tổ chức quốc tế. Do vậy, mức độ phục vụ kém và khách hàng không hài lòng. Để tạo thị phần, VinaSecurities sẽ thực hiện dịch vụ cho các khách hàng này một cách thường xuyên bằng cách tạo điều kiện cho khách tiếp cận các báo cáo phân tích chứng khoán, ý tưởng giao dịch và gặp gỡ ban giám đốc công ty.

Khách hàng công ty không có mặt tại Việt Nam: VinaSecurities nhằm đến các công ty quản lý quỹ điều hành các khoản tiền lớn và có thể hưởng lợi bằng việc tham gia thị trường Việt Nam.

Hướng đến thu hút khách hàng và phát triển hoạt động môi giới, VinaSecurities xúc tiến việc triển khai các dịch vụ tài chính hỗ trợ khách hàng kinh doanh chứng khoán. Đồng thời, cũng là bước tiếp trong quá trình hiện đại hóa công nghệ thông tin, hệ thống giao dịch, VinaSecurities đang xúc tiến làm việc với đối tác để có thể cung cấp giao dịch trực tuyến tích hợp với các trang thông tin tài chính ví dụ như Bloomberg, cũng như cung cấp các dịch vụ chứng khoán trực tuyến qua internet.

Nghiên cứu Phân tích

Bên cạnh những sản phẩm hiện có, VinaSecurities có kế hoạch cung cấp thêm các sản phẩm phân tích như phân tích ngành, phân tích chiến lược đầu tư chuyên sâu và thường xuyên hơn. Tập trung đa dạng hóa các báo cáo phân tích thị trường và cung thông tin chuyên sâu nhằm hỗ trợ lợi ích các nhà đầu tư.

Đồng thời tiếp tục phát hành thêm nhiều các báo cáo dưới tên của VinaSecurities – Macquarie, được phân phối bởi mạng lưới của Macquarie là mục tiêu ngắn hạn mà VinaSecurities nhằm đến cũng như tham vọng sẽ cung cấp báo cáo phân tích công ty chuyên sâu cho tất cả các mã chứng khoán nhằm bao quát khoảng 80% vốn hóa của thị trường.



Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Đánh giá hoạt động kinh doanh

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát





Đánh giá hoạt động kinh doanh

Năm 2012 tiếp tục là một năm đầy khó khăn đối với VinaSecurities trong bối cảnh ảnh hưởng bởi thị trường chứng khoán sụt giảm và nền kinh tế chưa ổn định, tăng trưởng thấp. Năm 2012 là năm có nhiều biến động ảnh hưởng cả tích cực lẫn tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của VinaSecurities.

Với một năm có nhiều biến động đáng kể nhất trong cả quá trình phát triển, điển hình là việc thay đổi cổ đông, thay đổi ban lãnh đạo và biến động trong hàng ngũ nhân sự cấp cao, hoạt động kinh doanh của VinaSecurities trong năm vừa qua đã bị tác động rất lớn.

Kết thúc năm 2012, doanh thu cả năm tăng 25% so với năm ngoái, đồng thời VinaSecurities đạt lợi nhuận hòa vốn, là một cột mốc quan trọng trong quá trình hoạt động của VinaSecurities. Kết quả này cho thấy dấu hiệu tích cực đối với chiến lược kinh doanh của VinaSecurities cũng như nỗ lực của toàn thể nhân viên.

VinaSecurities tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm và phát triển khách hàng mới giới tổ chức cũng như phát triển hoạt động tư vấn tài chính, hoạt động phân tích nghiên cứu. Trong năm 2012, VinaSecurities đã thực hiện và hoàn tất việc tái cơ cấu bộ máy quản lý và chính sách cắt giảm chi phí toàn diện. Những điều này giúp VinaSecurities giảm một cách đáng kể chi phí hoạt động, cải thiện tình hình tài chính, cải thiện chỉ số an toàn tài chính, tiếp tục duy trì và tăng trưởng doanh thu, từng bước đạt được kết quả kinh doanh khả quan hơn.

Mặc dù đạt được kết quả tích cực trong năm 2012, nhìn chung hoạt động kinh doanh của VinaSecurities vẫn chưa khả quan. VinaSecurities vẫn sẽ tiếp tục phát triển dịch vụ và nâng cao năng lực phục vụ khách hàng, xây dựng và củng cố đội ngũ nhân viên ngày càng vững mạnh, chuyên môn cao nhằm cải thiện kết quả kinh doanh và đạt lợi nhuận nhiều hơn trong các năm sắp tới.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất tại VinaSecurities, có toàn quyền nhân danh VinaSecurities để quyết định và thực hiện các quyết định và lợi ích hợp pháp của VinaSecurities mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2012, VinaSecurities có sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Lee George Lam	Chủ tịch	16 tháng 12 năm 2010	
Hunt Gia Macnguyen	Thành viên	16 tháng 12 năm 2010	7 tháng 6 năm 2012
Horst Joachim Franz Geicke	Thành viên	17 tháng 7 năm 2009	
Brook Colin Taylor	Thành viên	16 tháng 12 năm 2010	14 tháng 9 năm 2012



Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Adrian Francis Cundy	Thành viên	16 tháng 12 năm 2010	
Thao Hoàng Cung	Thành viên	7 tháng 6 năm 2012	14 tháng 9 năm 2012

Bao gồm trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị có một thành viên là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm các chức danh điều hành trong VinaSecurities.

Trong năm 2012, có các cuộc họp của Hội đồng quản trị sau đây:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lee G. Lam	Chủ tịch	2	100%	
2	Hunt Gia Macnguyen	Thành viên	1	100%	Miễn nhiệm từ 7/6/2012
3	Horst Joachim Franz Geicke	Thành viên	2	100%	
4	Brook Colin Taylor	Thành viên	1	100%	Miễn nhiệm từ 14/9/2012
5	Adrian Francis Cundy	Thành viên	2	100%	

Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị đã được tổ chức trong năm, Hội đồng quản trị đã đưa ra nhiều quyết định nhằm thực hiện kế hoạch phát triển trung và dài hạn của VinaSecurities và đưa chỉ đạo kịp thời về các nội dung chủ yếu sau:

- Thông qua việc thay đổi địa điểm trụ sở chính
- Thông qua việc điều chỉnh báo cáo tài chính năm 2011
- Thông qua việc thay đổi địa điểm của văn phòng đại diện tại Hà Nội
- Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh.
- Thông qua báo cáo tài chính năm 2011
- Thông qua các kế hoạch, chiến lược kinh doanh, chính sách quản lý khác của VinaSecurities.
- Thông qua các vấn đề quản lý hoạt động kinh doanh

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của VinaSecurities bao gồm ba thành viên theo quy định của Điều lệ VinaSecurities.

Trong năm 2012 có sự thay đổi thành viên Ban Kiểm soát như sau:

Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Thao Hoàng Cung	Trưởng ban	16 tháng 12 năm 2010	7 tháng 6 năm 2012
Nguyễn Xuân Châu	Trưởng ban	7 tháng 6 năm 2012	26 tháng 12 năm 2012



Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Hồ Thị Mỹ Diễm	Thành viên	1 tháng 7 năm 2009	26 tháng 12 năm 2012
John Vũ Nguyễn	Thành viên	16 tháng 12 năm 2010	26 tháng 12 năm 2012
Đặng Xuân Cảnh	Trưởng ban	26 tháng 12 năm 2012	
Nguyễn Văn Lâm	Thành viên	26 tháng 12 năm 2012	
Lê Nét	Thành viên	26 tháng 12 năm 2012	

Các thành viên Ban kiểm soát đều là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm bất kỳ chức danh điều hành nào tại VinaSecurities. Ban Kiểm soát hoàn toàn độc lập và không bị ảnh hưởng bởi Hội đồng quản trị hoặc/và Ban điều hành.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành VinaSecurities; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của VinaSecurities, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông;
- Xem xét số kế toán và các tài liệu khác của VinaSecurities, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của VinaSecurities bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp;
- Ban kiểm soát của VinaSecurities đã theo dõi trực tiếp sát sao hoạt động VinaSecurities thông qua các buổi làm việc trực tiếp tại VinaSecurities và họp cùng Hội đồng quản trị Công ty định kỳ.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Trong năm 2012, căn cứ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, VinaSecurities chỉ chi trả thù lao cho chủ tịch Hội đồng quản trị và không chi trả bất kỳ khoản thù lao nào cho các thành viên của Ban Kiểm soát.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, không có thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nào sở hữu cổ phần của VinaSecurities.



Trong năm 2012, không có các giao dịch cổ phiếu hoặc chuyển nhượng phần vốn góp của VinaSecurities của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Trong năm 2012 không có phát sinh hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với VinaSecurities của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.



Báo cáo tài chính

- Báo cáo kiểm toán
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính



Báo cáo kiểm toán độc lập

Cho báo cáo tài chính của
Công ty Cổ phần chứng khoán Vina
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Grant Thornton (Vietnam) Limited
 Ho Chi Minh City Office
 28th Floor, Saigon Trade Center
 37 Ton Duc Thang Street
 District 1, Ho Chi Minh City
 Vietnam

T +84 (8) 3910 9100
 F +84 (8) 3914 3748
 www.gt.com.vn

Số: HCM/13/016

Kính gửi Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Vina

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Chứng khoán Vina ("Công ty") bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, cùng với tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu và các thuyết minh tương ứng, được lập vào ngày 25 tháng 3 năm 2013 và trình bày từ trang 5 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính tuân thủ theo Các chuẩn mực và Hệ thống Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm này bao gồm: việc thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không chứa đựng sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến kiểm toán về các báo cáo tài chính dựa trên công việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán trên cơ sở các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ theo các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp và lên kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được một sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai lệch trọng yếu.

Kiểm toán bao gồm việc thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai lệch trọng yếu trên báo cáo tài chính do gian lận hay sai sót. Trong việc đánh giá này, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày hợp lý báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ. Kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và sự hợp lý của các ước tính kế toán do Ban Giám đốc thực hiện, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

**Certified Chartered Accountants
 and Management Consultants**

Member firm within Grant Thornton International Ltd

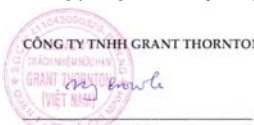


Chúng tôi tin rằng bằng chứng kiểm toán chúng tôi có được là đầy đủ và thích hợp cho việc đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Như được trình bày trong Thuyết minh số 3 – Cơ sở lập các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính đính kèm này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý liên quan.



CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)

Melvyn George Crowle
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0297/KTV
Tổng Giám đốc



Trinh Thị Tuyết Anh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1775/KTV
Kiểm toán viên

Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 MAR 2013

Bảng cân đối kế toán

	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
			VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		29.563.824.278	49.944.533.316
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		26.325.348.360	9.314.967.757
Tiền	111	7	26.325.348.360	7.314.967.757
Các khoản tương đương tiền	112	7	-	2.000.000.000
Các khoản phải thu	130		1.752.755.280	39.333.754.040
Các khoản phải thu	131	9	1.723.485.700	39.889.635.154
Ứng trước cho người bán	132		28.996.480	28.996.480
Phải thu từ các bên liên quan	133	28	-	104.953.452
Các khoản phải thu khác	138		273.100	26.355.648
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	139	9,10	-	(716.186.694)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.485.720.638	1.295.811.519
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		786.602.435	337.681.091
Thuế GTGT được khấu trừ	152		688.118.203	892.605.428
Tài sản ngắn hạn khác	158		11.000.000	65.525.000
Tài sản dài hạn	200		7.420.233.914	8.572.001.368
Tài sản cố định	220		5.297.063.459	7.260.496.646
Tài sản cố định hữu hình	221	11	734.466.485	1.803.579.104
- Nguyên giá	222		9.902.090.058	10.316.583.248
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.767.623.573)	(8.513.004.144)
Tài sản cố định vô hình	227	12	4.515.684.474	5.281.597.542
- Nguyên giá	228		7.175.138.438	6.882.938.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.659.453.964)	(1.601.340.896)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	13	46.912.500	175.320.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.123.170.455	1.311.504.722
Chi phí trả trước dài hạn	261		12.275.000	16.649.187
Tiền nộp Quy hỗ trợ thanh toán	262		460.085.455	460.085.455
Tài sản dài hạn khác	268	14	1.650.810.000	834.770.080
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		36.984.058.192	58.516.534.684



	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
			VND		VND	
						(Phân loại lại)
NGUỒN VỐN						
Nợ phải trả	300		5.184.452.805		27.995.135.681	
Nợ ngắn hạn	310		5.184.452.805		29.995.135.681	
Phải trả người bán	312		789.285.791		15.886.441.761	
Người mua ứng trước	313		240.590		337.232.000	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	547.074.753		5.758.145.349	
Phải trả nhân viên	315		-		677.207.367	
Chi phí phải trả	316	16	1.443.890.393		3.255.494.469	
Phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán	320	17	1.540.282.839		1.058.783.965	
Phải trả cổ tức từ cổ phiếu và lãi trái phiếu	321		719.890		719.890	
Các khoản phải trả khác	319	18	862.958.549		1.021.110.880	
Nguồn vốn chủ sở hữu	400		31.799.605.387		30.521.399.003	
Nguồn vốn	410		31.799.605.387		30.521.399.003	
Vốn góp cổ phần	411	19,20	185.000.000.000		185.000.000.000	
Quy dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	419	19	254.998.000		254.998.000	
Lỗi lũy kế	420	19	(153.455.392.613)		(154.733.598.997)	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		36.984.058.192		58.516.534.684	
Tài khoản ngoại bảng						
	Mã số		31 tháng 12 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
Ngoại tệ các loại	005					
- Đô la Mỹ			332.924		196.338	
- Bảng Anh			14.595		5.177	
Chứng khoán lưu ký (VND)	006		30.269.750.000		44.160.120.000	
Trong đó:						
Chứng khoán giao dịch	007		30.240.760.000		43.951.970.000	
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		-		-	
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		18.253.260.000		30.424.470.000	
- Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		11.987.500.000		13.527.500.000	
Chứng khoán chờ thanh toán	027		25.000.000		105.000.000	
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		25.000.000		105.000.000	
Chứng khoán chờ giao dịch	037		3.990.000		103.150.000	
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		3.990.000		103.150.000	

Người lập:

 Dương Hữu Chính
 Kế toán trưởng

Dương Hữu Chính
 Kế toán trưởng

Thuyết đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
			31 tháng 12 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
			VND		VND	
						(Trình bày lại)
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	22	34.877.240.622		27.836.310.943	
Trong đó:						
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.009.617.842		2.063.446.692	
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	01.2		-		39.332.459	
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		31.517.330.452		21.989.106.960	
- Doanh thu khác	01.9		1.350.292.328		3.744.424.832	
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-	
Doanh thu thuần	10		34.877.240.622		27.836.310.943	
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	23	(22.224.435.986)		(41.326.101.646)	
Lãi (lỗ) gộp	20		12.652.804.636		(13.489.790.703)	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	(11.486.012.400)		(14.844.518.564)	
Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		1.166.792.236		(28.334.309.267)	
Thu nhập khác	31	25	111.415.182		140.602.463	
Chi phí khác	32	26	(1.034)		(121.695.947)	
Lợi nhuận khác	40		111.414.148		18.906.516	
Lãi (lỗ) trước thuế	50		1.278.206.384		(28.315.402.751)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-		-	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	-		-	
Lãi (lỗ) thuần	60		1.278.206.384		(28.315.402.751)	
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (đồng trên cổ phiếu)	70	21	69		(1.531)	

Ngày 25 MAR 2013

Người lập:

Dương Hữu Chính
 Kế toán trưởng

Dương Hữu Chính
 Tổng Giám đốc

Thuyết đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này



Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		Số dư cuối năm	
		1 tháng 1 năm 2011	1 tháng 1 năm 2012	Tăng/Giảm		Tăng/Giảm		Tăng/Giảm	
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	VND	VND
1. Vốn góp cổ phần	20	185.000.000.000	185.000.000.000	-	-	-	-	185.000.000.000	185.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	20	254.998.000	254.998.000	-	-	-	-	254.998.000	254.998.000
4. Lợi dự kế	20	(126.418.196.246)	(154.733.596.997)	-	28.315.402.751	1.278.206.384	-	(154.733.596.997)	(153.455.392.613)
Tổng cộng		58.836.801.754	30.521.399.003	-	28.315.402.751	1.278.206.384	-	30.521.399.003	31.799.605.387

Ngày 25 MAR 2013

Người lập:

Dương Hữu Chính
Kế toán trưởng



Thuyết định kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
VND			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lãi (lỗ) trước thuế	01	1.278.206.384	(28.315.402.751)
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và hao mòn	02	11,12	2.174.757.687
Thay đổi các khoản dự phòng (Lãi) lỗ do đánh giá lại tỷ giá ngoại tệ chưa thực hiện	03	10	800.000.000
(Lãi) lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định	04		10.590.252
Lãi tiền gửi	05	25	(19.000.000)
Lãi (lỗ) hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	06		(1.234.533.395)
thay đổi vốn lưu động			
Thay đổi của các khoản phải thu	08		3.010.020.928
Thay đổi của các khoản phải trả	09		36.216.193.287
Thay đổi của các khoản chi phí trả trước	11		(22.810.682.876)
	12		(444.547.157)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng) hoạt động kinh doanh	20	15.970.984.182	(49.208.431.352)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua tài sản cố định	21	11,13	(211.324.500)
Tiền thu từ việc thanh lý tài sản	22		19.000.000
Thu lãi tiền gửi	27		1.242.311.173
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.049.986.673	3.315.752.539
Lưu chuyển tiền thuần trong năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	50		17.020.970.855
Ảnh hưởng đánh giá lại tỷ giá	60		9.314.967.757
	61		(10.590.252)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	26.325.348.360	9.314.967.757

Ngày 25 MAR 2013

Người lập:

Dương Hữu Chính
Kế toán trưởng



Thuyết định kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này



Thuyết minh báo cáo tài chính

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam vào năm 2006 dưới hình thức công ty cổ phần, ban đầu có 5 cổ đông sáng lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103015219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 và theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 50/UBCK – GPHNKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“SSC”) cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006.

Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính
- Lưu ký chứng khoán

Ngày 25 tháng 7 năm 2012, Công ty dời trụ sở chính sang 120 Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Về sau, theo Quyết định số 59/QĐ-UBCK ngày 4 tháng 2 năm 2013 phê duyệt bởi SSC, Công ty dời văn phòng đại diện về tầng 5, số 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 26 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 47 nhân viên).

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ và chuyển đổi ngoại tệ

Báo cáo tài chính của Công ty được lập sử dụng tiền Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với đồng tiền báo cáo được quy đổi theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí liên quan đến các nghiệp vụ ngoại tệ được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC, Thông tư 162/2010/TT-BTC và các qui định pháp lý liên quan của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam, mà trên một số khía cạnh trọng yếu có thể khác với Chuẩn mực Kế toán Quốc tế và các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được chấp nhận rộng rãi tại quốc gia của người đọc. Do đó, các báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày tình



ình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam, hơn nữa, đối tượng sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm vào những người không được thông tin về các nguyên tắc, quy trình và tập quán kế toán của Việt Nam.

Hệ thống kế toán và hình thức ghi sổ kế toán

Công ty sử dụng phương pháp nhật ký chung để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

4. Thay đổi các chính sách kế toán cơ bản

Áp dụng các qui định mới

Thông tư 180/2012/TT-BTC

Công ty đã áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) ban hành bởi Bộ Tài Chính ngày 24 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn việc xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đối với các báo cáo tài chính của công ty trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2012. Thông tư này thay thế cho thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

Thông tư 179/2012/TT-BTC

Công ty đã áp dụng Thông tư 179/TT-BTC (“Thông tư”) ban hành bởi Bộ Tài Chính tại ngày 24 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn về ghi nhận, đánh giá, xử lý khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đối với các báo cáo tài chính của công ty trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2012. Thông tư này thay thế cho thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

5. Các chính sách kế toán trọng yếu

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gồm tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền tại quỹ, cũng như các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao như tiền gửi các tổ chức tín dụng trên thị trường tiền tệ, tiền gửi ngân hàng trong vòng 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

5.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị trên hoá đơn trừ đi dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu được dự tính là không thể thu hồi được toàn bộ.

5.3 Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc (giá mua thực tế).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho mỗi loại chứng khoán cụ thể trong danh mục đầu tư và cho các chứng khoán giảm giá so với giá trị ghi sổ. Khi một khoản đầu tư được thanh lý chênh lệch giữa giá trị đầu tư ròng và giá trị ghi sổ được ghi nhận thu nhập hoặc chi phí trong năm.



5.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Tài sản cố định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Cải tạo nâng cấp văn phòng	1 – 5 năm
Thiết bị, nội thất	1 – 3 năm
Thiết bị văn phòng	1 – 3 năm
Phương tiện vận tải	7 năm

5.5 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp tuyến tính từ 3 năm đến 5 năm.

5.6 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí phát sinh cho trong giai đoạn phát triển các tài sản cố định vô hình. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc phát triển đã hoàn thành, các chi phí liên quan đã được chuyển thành tài sản cố định vô hình và tài sản đó đã được đưa vào sử dụng.

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

Tài sản có giá trị thấp

Tài sản có giá trị thấp là những tài sản có giá trị ít hơn 10 triệu đồng, có thời gian hữu dụng dài hơn một niên độ kế toán và không thỏa mãn các điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của những tài sản có giá trị thấp được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng của tài sản.

Chi phí bảo hiểm trả trước

Chi phí bảo hiểm trả trước liên quan đến các chi phí bảo hiểm trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 2 năm.

5.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Chi phí phải trả và trích trước được ghi nhận tại giá trị sẽ chi trả trong tương lai cho các hàng hóa và dịch vụ sẽ nhận được, không liên quan đến việc Công ty đã được yêu cầu thanh toán chưa.

5.9 Phúc lợi cho nhân viên

Trợ cấp lương hưu

Trợ cấp lương hưu cho nhân viên được trả cho những nhân viên đã nghỉ hưu của Công ty bởi Cơ quan Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động Thương binh Xã hội. Công ty phải đóng góp khoản trợ cấp lương hưu cho nhân viên bằng cách nộp cho Cơ quan bảo hiểm xã hội ở mức 17% (năm 2013 là 17%; từ năm 2014 trở đi là 18%) trên lương cơ bản của nhân viên hàng tháng. Công ty không có nghĩa vụ trả thêm trợ cấp lương hưu nào khác ngoài khoản trích nộp cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.



Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn cho Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp ở mức 1% quỹ lương, dùng để thanh toán bảo hiểm thất nghiệp cho người tham gia bảo hiểm và trích 1% tiền lương của mỗi nhân viên để đóng cùng lúc cho Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

5.10 Doanh thu

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ tại ngày bảng cân đối kế toán và hóa đơn phát hành cho khách hàng, trong trường hợp mà phần lớn rủi ro và quyền lợi đã chuyển cho người mua.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán, tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi nhận được thông báo trả cổ tức.

5.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần thể hiện mệnh giá của cổ phần đã được phát hành.

5.12 Các quỹ dự phòng

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự phòng theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Trong kỳ, Công ty không trích lập thêm quỹ dự trữ.

5.13 Chi phí thuế hoạt động (Các hợp đồng thuế)

Thuế hoạt động là việc thuế tài sản trong đó tất cả các quyền lợi và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Chi phí thuế hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

5.14 Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra mà chắc chắn dẫn đến sự giảm sút về



những lợi ích kinh tế dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính đáng tin cậy.

5.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế và nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các tài sản hoặc nghĩa vụ thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên Bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Đồng thời, khoản lỗ thuế có thể dùng để chuyển lỗ và thu nhập khác về thuế của Công ty cũng được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để căn trừ vào các tài sản thuế thu nhập hoãn lại này.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính tại mức thuế được áp dụng từng kỳ tính thuế theo như quy định tại ngày kết thúc năm tài chính. Toàn bộ thay đổi về tài sản hoặc nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Những thay đổi về tài sản hoặc nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do thay đổi về giá trị của tài sản hoặc nợ được ghi nhận trực tiếp vào nguồn vốn thì được ghi nhận trực tiếp bên nguồn vốn.

5.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan khi một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan khi cùng dưới một quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng.

5.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bởi lãi/lỗ phân phối cho các cổ đông chia số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lại số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bằng cách giả định rằng các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

5.18 Các công cụ tài chính

Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn việc áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính ("IFRS") liên quan đến



việc trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Thông tư 210 có hiệu lực và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu việc trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo IFRS, cho nên việc ghi nhận và đo lường các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính của Công ty vẫn thực hiện theo các quy định của các Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Phân loại

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại các tài sản tài chính và công nợ tài chính theo các nhóm sau:

Đối với các tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán; và
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ.

Xác định và thuyết minh về giá trị hợp lý

Theo yêu cầu của Thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty thuyết minh các số liệu về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ tài chính, so sánh với giá trị ghi sổ của chúng ở Thuyết minh 32.

Giá trị hợp lý là mức giá trị và một tài sản có thể được trao đổi, hay một khoản công nợ được thanh toán, giữa các bên hiểu biết và sẵn sàng giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày giao dịch.

Đối với các công cụ tài chính được niêm yết trên thị trường hoạt động, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Đối với các công cụ tài chính không được niêm yết trên thị trường hoạt động, Công ty xác định giá trị hợp lý chủ yếu dùng kỹ thuật định giá. Kỹ thuật định giá được lựa chọn sử dụng tối đa những dữ liệu đầu vào từ thị trường và hạn chế dựa vào những số liệu đầu vào mang tính riêng biệt của từng công ty. Các dữ liệu đầu vào đưa vào tất cả những yếu tố mà các bên tham gia thị trường sẽ xem xét khi thiết lập một mức giá, và nhất quán với các Phương pháp kinh tế được chấp nhận để định giá các công cụ tài chính. Các dữ liệu đầu vào phản ánh một cách hợp lý các ước tính thị trường và đo lường yếu tố rủi ro – lợi nhuận gắn liền với công cụ tài chính.

Trong trường hợp không đủ thông tin để thực hiện kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các công cụ tài chính không có thị trường hoạt động được coi là không thể xác định được một cách tin cậy và do đó Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của những công cụ đó.

**6. Số liệu so sánh**

Số liệu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày trong báo cáo tài chính năm nay cho mục đích so sánh. Một vài số liệu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được trình bày lại để phản ánh những điều chỉnh phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính nói trên. Những điều chỉnh này làm giảm doanh thu của Công ty một khoản là 17.529.999.930 đồng và đồng thời làm giảm chi phí hoạt động kinh doanh trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bằng một khoản tương tự. Những điều chỉnh này không ảnh hưởng đến lỗ lũy kế của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh đến từng khoản mục của báo cáo tài chính được trình bày như sau:

Bảng cân đối kế toán (trích lược)

	31 tháng 12 năm 2011	Điều chỉnh	31 December 2011
	Đã được báo cáo		Trình bày lại
	VND	VND	VND
NGUỒN VỐN			
Nợ phải trả			
Nợ ngắn hạn			
Phải trả nhân viên	2.588.241.543	(1.911.034.176)	677.207.367
Chi phí phải trả	1.344.460.293	1.911.034.176	3.255.494.469
Phải trả khác	752.660.880	268.450.000	1.021.110.880
Nợ dài hạn			
Phải trả trợ cấp thôi việc	268.450.000	(268.450.000)	-
Tổng nợ phải trả	27.995.135.681	-	27.995.135.681
Tổng cộng nguồn vốn	58.516.534.684	-	58.516.534.684

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trích lược)

	Năm kết thúc ngày	Điều chỉnh	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2011		31 tháng 12 năm 2011
	Đã được báo cáo		Trình bày lại
	VND	VND	VND
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	45.366.310.873	(17.529.999.930)	27.836.310.943
<i>Trong đó:</i>			
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.063.446.692	-	2.063.446.692
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	39.332.459	-	39.332.459
- Doanh thu hoạt động tư vấn	39.519.106.890	(17.529.999.930)	21.989.106.960
- Doanh thu khác	3.744.424.832	-	3.744.424.832
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
Doanh thu thuần	45.366.310.873	(17.529.999.930)	27.836.310.943
Chi phí hoạt động kinh	(58.856.101.576)	17.529.999.930	(41.326.101.64)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh	(13.489.790.703)	-	(13.489.790.703)

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND
Tiền mặt	15.934.691	22.659.738
Tiền gửi ngân hàng	26.309.413.669	7.292.308.019
Tiền gửi ngân hàng	24.573.946.180	6.038.555.128
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.735.467.489	1.253.752.891
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
Tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng	-	2.000.000.000
	26.325.348.360	9.314.967.757

8. Đầu tư ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không sở hữu khoản đầu tư ngắn hạn nào. Các nghiệp vụ giao dịch của nhà đầu tư được ghi nhận là các nghiệp vụ ngoài bảng.

Thông tin liên quan của số lượng và giá trị giao dịch được trình bày như sau:

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch
Cổ phần		VND		VND
Đầu tư của công ty chứng khoán	-	-	155.171	5.772.221
Cổ phiếu	-	-	155.171	5.772.221
Trái phiếu	-	-	-	-
Chứng khoán khác	-	-	-	-
Giao dịch của nhà đầu tư	40.177.123	850.421.294.000	51.448.980	1.023.284.900
Cổ phiếu	37.524.613	737.929.549.000	48.986.950	1.009.358.493
Trái phiếu	1.000.000	104.269.000.000	-	-
Chứng khoán khác	1.652.510	8.222.745.000	2.462.030	13.926.407
	40.177.123	850.421.294.000	51.604.151	1.029.057.121

9. Các khoản phải thu

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND
Phải thu	-	223.906.987
Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	223.906.987
Phải thu từ khách hàng khác	1.723.485.700	39.665.728.167
	1.723.485.700	39.889.635.154
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 10)	-	(716.186.694)
	1.723.485.700	39.173.448.460

10. Dự phòng phải thu khó đòi

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	716.186.694	394.035.694
Số trích lập thêm trong năm	800.000.000	322.151.000
Ghi giảm nợ khó đòi	(1.516.186.694)	-
Số dư cuối năm	-	716.186.694

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Cải tạo nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị nội thất VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2012	1.871.798.450	906.887.747	6.390.088.757	1.147.808.294	10.316.583.248
Mua trong năm	-	-	47.532.000	-	47.532.000
Thanh lý tài sản	-	(121.864.071)	(740.161.119)	-	(862.025.190)
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.871.798.450	785.023.676	5.697.459.638	1.147.808.294	9.502.090.058
Đã khấu hao hết	1.871.798.450	785.023.676	3.901.999.478	-	6.558.821.604
Khấu hao lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2012	1.646.735.034	816.784.018	5.399.008.102	650.476.990	8.513.004.144
Khấu hao trong năm	225.063.416	90.103.729	837.504.861	163.972.613	1.116.644.619
Thanh lý tài sản	-	(121.864.071)	(740.161.119)	-	(862.025.190)
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.871.798.450	785.023.676	5.296.351.844	814.449.603	8.767.623.573
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2012	225.063.416	90.103.729	991.080.655	497.331.304	1.803.579.104
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	-	-	401.107.794	333.358.691	734.466.485

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2012	6.287.247.065	595.691.373	6.882.938.438
Chuyển sang Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	-	292.200.000	292.200.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	6.287.247.065	887.891.373	7.175.138.438
Đã khấu hao hết	62.140.749	595.691.373	657.832.122
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2012	1.017.553.274	583.787.622	1.601.340.896
Khấu hao trong năm	1.036.469.318	21.643.750	1.058.113.068
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	2.054.022.592	605.431.372	2.659.453.964
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2012	5.269.693.791	11.903.751	5.281.597.542
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	4.233.224.473	282.460.001	4.515.684.474

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND	Năm kết thúc ngày 1 tháng 12 năm 2011 VND
Số đầu năm	175.320.000	3.880.561.299
Tăng trong năm	163.792.500	443.960.245
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	(292.200.000)	(4.110.151.319)
Ghi giảm trong năm	-	(39.050.225)
Số dư cuối năm	46.912.500	175.320.000
<i>Chi tiết:</i>		
Chi phí thiết kế logo	46.912.500	-
Chi phí cho hệ thống website	-	175.320.000
	46.912.500	175.320.000

**14. Tài sản dài hạn khác**

	31 tháng 12 năm 2012 VND	31 tháng 12 năm 2011 VND
Đặt cọc tiền thuê văn phòng (*)	1.645.810.000	824.770.080
Kỳ quỹ dài hạn khác	5.000.000	10.000.000
	1.650.810.000	834.770.080

(*) Tiền đặt cọc thuê văn phòng chủ yếu là các khoản đặt cọc cho văn phòng mới tại số 120 Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian từ ngày 11 tháng 6 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014.

15. Thuế và các khoản phải trả cho Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2012 VND	31 tháng 12 năm 2011 VND
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ cho nhân viên	502.006.068	5.726.249.606
Thuế nộp hộ cho khách hàng cá nhân	145.510	1.072.261
Thuế nộp hộ cho khách hàng tổ chức	8.711.445	19.075.775
Thuế nhà thầu nộp hộ nhà cung cấp	36.211.730	11.747.707
	547.074.753	5.758.145.349

16. Chi phí phải trả

	31 tháng 12 năm 2012 VND	31 tháng 12 năm 2011 VND
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp phải trả	284.200.000	251.081.450
Chi phí ngày nghỉ phép chưa dùng hết của nhân viên	129.842.437	432.379.621
Lương tháng thứ 13	562.617.033	1.911.034.176
Chi phí phải trả khác	467.230.923	660.999.222
	1.443.890.393	3.255.494.469

17. Khoản phải trả do giao dịch chứng khoán

	31 tháng 12 năm 2012 VND	31 tháng 12 năm 2011 VND
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán với Trung tâm lưu ký chứng khoán	12.494.000	30.489.000
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	1.527.788.839	1.028.294.965
	1.540.282.839	1.058.783.965

18. Phải trả, phải nộp khác

	31 tháng 12 năm 2012 VND	31 tháng 12 năm 2011 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và quỹ công đoàn	724.014.592	680.508.492
Tạo cấp thời việc (*)	137.565.750	268.450.000
Phải trả khác	1.378.207	72.152.388
	862.958.549	1.021.110.880

(*) Đây là khoản trợ cấp thôi việc được phân loại lại từ tài khoản Dự phòng trợ cấp thôi việc sang Các khoản phải trả khác.

**19. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp cổ phần		Lỗi lũy kế	Quý dự trừ pháp định và dự phòng tài chính	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
1 tháng 1 năm 2011	185.000.000.000	(126.418.196.246)	254.998.000	-	58.836.801.754
Lỗi thuần	-	(28.315.402.751)	-	-	(28.315.402.751)
31 tháng 12 năm 2011	185.000.000.000	(154.733.598.997)	254.998.000	-	30.521.399.003
1 tháng 1 năm 2012	185.000.000.000	(154.733.598.997)	254.998.000	-	30.521.399.003
Lỗi thuần	-	1.278.206.384	-	-	1.278.206.384
31 tháng 12 năm 2012	185.000.000.000	(153.455.392.613)	254.998.000	-	31.799.605.387

20. Vốn cổ phần

Vốn điều lệ của Công ty là 185 tỷ đồng chia thành 18,5 triệu cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phiếu đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Quyết định số 360/UBCK-GP ngày 19 tháng 10 năm 2010.

Chi tiết cổ phiếu phát hành được trình bày như sau:

	31 tháng 12 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Phê chuẩn:				
Cổ phiếu thường	18.500.000	185.000.000.000	18.500.000	185.000.000.000
Dã phát hành và thanh toán:	18.500.000	185.000.000.000	18.500.000	185.000.000.000
Đầu năm	18.500.000	185.000.000.000	18.500.000	185.000.000.000
Cuối năm	18.500.000	185.000.000.000	18.500.000	185.000.000.000

Trong năm, Công ty có sự thay đổi trong thành phần cổ đông. Danh sách các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 được phê duyệt chi tiết như sau:

	Vốn pháp định					
	31 tháng 12 năm 2012			31 tháng 12 năm 2011		
	Số lượng cổ phiếu	Số tiền VND	%	Số lượng cổ phiếu	Số tiền VND	%
VinaCapital Group Limited	-	-	-	9.065.000	90.650.000.000	49
Ông Trần Lệ Nguyễn	-	-	-	3.700.000	37.000.000.000	20
Bà Hồ Thị Mỹ Diễm	-	-	-	5.735.000	57.350.000.000	31
Bà Chu Đặng Ngọc Trinh	9.435.000	94.350.000.000	51,0	-	-	-
Allied Pacific Capital Limited	1.813.000	18.130.000.000	9,8	-	-	-
VinaSecurities Limited	1.813.000	18.130.000.000	9,8	-	-	-
VN Securities Limited	1.813.000	18.130.000.000	9,8	-	-	-
Saigon Capital Limited	1.813.000	18.130.000.000	9,8	-	-	-
VNS Capital Limited	1.813.000	18.130.000.000	9,8	-	-	-
	18.500.000	185.000.000.000	100	18.500.000	185.000.000.000	100

**21. Lãi trên cổ phiếu****a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được xác định bằng cách chia lãi/lỗ liên quan đến cổ đông của Công ty cho số lượng trung bình của cổ phiếu thường đang lưu hành trong năm.

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND
Lãi/(lỗ) thuộc về cổ đông	1.278.206.384	(28.315.402.751)
Số lượng trung bình của cổ phiếu thường đang lưu hành	18.500.000	18.500.000
Lợi nhuận/(lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu	69	(1.531)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lại số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bằng cách giả định rằng các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được chuyển thành cổ phiếu phổ thông. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

22. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.009.617.842	(Trình bày lại) 2.063.446.692
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	-	39.332.459
Doanh thu hoạt động tư vấn	31.517.330.452	21.989.106.960
Doanh thu khác	1.350.292.328	3.744.424.832
	34.877.240.622	27.836.310.943

23. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND
Chi phí cho hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	482.610.655	768.435.993
Chi phí cho hoạt động đầu tư chứng khoán	-	285.091.066
Chi phí cho hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán	87.424.413	146.590.429
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	-	325.398
Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh chứng khoán	21.654.400.918	40.125.658.760
Chi phí nhân công	11.919.770.780	29.128.310.907
Khấu hao và hao mòn	1.197.643.829	1.098.470.930
Các dịch vụ thuê ngoài	7.173.224.309	7.502.894.262
Chi phí khác	1.363.762.000	2.395.982.661
	22.224.435.986	41.326.101.646

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.137.879.787	5.840.742.853
Dùng cụ văn phòng	266.687.012	267.683.813
Khấu hao và phân bổ	977.113.858	1.222.106.724



Chi phí thuê văn phòng	2.754.175.314	4.907.147.706
Dự phòng nợ khó đòi	800.000.000	322.151.000
Các dịch vụ thuê ngoài	1.095.783.347	1.162.776.408
Chi phí khác	1.454.373.082	1.121.910.060
	11.486.012.400	14.844.518.564

25. Thu nhập khác

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND
Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	19.000.000	90.000.000
Ghi giảm công nợ không xác định	92.407.475	50.602.463
Thu nhập khác	7.707	-
	111.415.182	140.602.463

26. Chi phí khác

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	117.103.530
Chi phí khác	1.034	4.592.417
	1.034	121.695.947

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên tổng thu nhập chịu thuế hàng năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu liên hoạt động có lãi và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo.

Điều chỉnh giữa các khoản lỗ trước thuế và lỗ chịu thuế như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND
Lãi (lỗ) trước thuế	1.278.206.384	(28.315.402.751)
<i>Chính sách vĩnh viễn:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	987.434.703	960.797.573
<i>Chính sách tạm thời:</i>		
Dự phòng nợ khó đòi không theo luật định	-	161.075.500
Sử dụng dự phòng nợ khó đòi trong năm	(555.111.194)	-
Chi phí trích trước trong năm	881.273.360	1.344.460.293
Chi phí trích trước năm trước thực hiện trong năm	(1.344.460.293)	(1.101.559.381)
Tạo cấp thời việc	137.565.750	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.590.252	-
Lợi nhuận (lỗ) chịu thuế	1.395.498.962	(26.950.628.766)
Sử dụng lỗ mang sang trong năm	(1.395.498.962)	-
Lợi nhuận tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (lỗ thuế) trong năm	-	-



Công ty không lập dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 vì Công ty chuyển lỗ sang năm hiện hành.

Các khoản lỗ có thể chuyển sang để khấu trừ với thu nhập chịu thuế của các năm sau trong vòng 5 năm kể từ năm khoản lỗ này phát sinh. Giá trị thực tế của các khoản lỗ lũy kế có thể mang sang tùy thuộc vào kết quả của kiểm tra thuế được thực hiện bởi cơ quan thuế địa phương. Lỗ thuế được phép mang sang để trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau được thể hiện như sau:

Năm phát sinh	Quyết toán thuế	Lỗ được khấu trừ thuế ước tính VND	Chuyển lỗ VND	Hết hạn VND	Lỗ được khấu trừ thuế mang sang ước tính VND	Năm hết hạn
2008	Chưa quyết toán	58.937.761.166	(1.395.498.962)	-	57.542.262.204	2013
2009	Chưa quyết toán	31.535.116.931	-	-	31.535.116.931	2014
2010	Chưa quyết toán	35.953.429.593	-	-	35.953.429.593	2015
2011	Chưa quyết toán	26.950.628.766	-	-	26.950.628.766	2016
		153.376.936.456	(1.395.498.962)		151.981.437.494	

Công ty không ghi nhận bất cứ khoản thuế thu nhập hoãn lại nào từ các khoản lỗ và chênh lệch tạm thời trên do Ban giám đốc không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong vài năm tới để sử dụng khoản lỗ trên trong tương lai trước khi hết hạn.

28. Giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ với các bên liên quan được ghi nhận trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
			VND	VND
VinaCapital Group Ltd.	Cổ đông	Thanh toán chi phí lương hộ Công ty	-	955.858.584
Asia Investment and Finance Ltd	Bên liên quan - cổ đông chung	Phi môi giới	720.885	109.152.945
Vietnam Infrastructure Holding Ltd	Bên liên quan đồng quản lý chung	Phi môi giới	116.606.406	109.946.877
Vietnam Investment Property Holding Ltd	Bên liên quan đồng quản lý chung	Phi môi giới cho những cổ phiếu được niêm yết Phi môi giới cho những cổ phiếu OTC	160.787.331	354.153.109
			-	19.104.698

Công ty có các số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
		VND	VND
VinaCapital Corporate	Bên liên quan - cổ đông chung	-	104.953.452
Finance Vietnam Co Ltd.			

Các bên liên quan trên không còn là bên liên quan từ tháng 9 năm 2012 do sự thay đổi trong cổ đông của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 20.

**29. Thủ lao Ban Giám đốc**

Trong năm, thành viên Ban Giám đốc và các nhân sự chủ chốt khác có nhận khoản thù lao như sau:

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND
Lương	3.801.168.254	5.718.580.520

30. Cam kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có cam kết theo hợp đồng thuê văn phòng không hủy ngang với số tiền như sau:

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND
Trong năm tiếp theo	3.347.620.000	5.448.492.288
Trong vòng 2 đến 5 năm	814.905.000	4.895.682.880
	4.162.525.000	10.344.175.168

31. Mục tiêu và chính sách quản trị rủi ro

Công ty đối mặt với nhiều loại rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính. Phân nhóm các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được trình bày ở Thuyết minh số 32. Các loại rủi ro chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Việc quản lý rủi ro của Công ty được thực hiện bởi Ban Giám đốc, tập trung vào việc bảo đảm dòng tiền ngắn và trung hạn của Công ty bằng cách giảm thiểu tối đa rủi ro thị trường tài chính.

Công ty không tham gia vào việc giao dịch các tài sản tài chính nhằm mục đích đầu cơ cũng như phát hành các hợp đồng quyền chọn. Các rủi ro tài chính lớn nhất mà Công ty đối mặt được trình bày dưới đây.

31.1 Rủi ro thị trường

Phần lớn các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng Đồng Việt Nam. Rủi ro từ tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch mua dịch vụ từ nước ngoài mà chủ yếu được yết giá theo Đô la Mỹ hoặc Đồng Bảng Anh.

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	31 tháng 12 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
	USD	VND	USD	VND
Tài sản tài chính	6.954.671.954	496.784.610	39.190.170.656	619.041.573
Nợ phải trả tài chính	404.745.000	-	16.144.078.137	-
Rủi ro ngắn hạn	7.359.416.954	496.784.610	55.334.248.793	619.041.573
Tài sản tài chính	-	-	-	-
Nợ phải trả tài chính	-	-	-	-
Rủi ro dài hạn	-	-	-	-



Độ nhạy cảm của kết quả hoạt động kinh doanh thuần và vốn chủ sở hữu trong năm phát sinh từ tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty và tỷ giá hối đoái giữa Đô la Mỹ/ Đồng Việt Nam và Đồng Bảng Anh/ Đồng Việt Nam.

Giả định rằng tỷ giá hối đoái giữa Đô la Mỹ/ Đồng Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 thay đổi +/- 1% (năm 2011: 2%) và giữa Đồng Bảng Anh/ Đồng Việt Nam thay đổi +/- 2% (năm 2011: 2%). Sự thay đổi tỷ giá hối đoái này được xác định dựa trên biến động trung bình của tỷ giá hối đoái trên thị trường của 12 tháng vừa qua. Việc phân tích độ nhạy cảm được dựa trên các công cụ tài chính bằng ngoại tệ do Công ty nắm giữ tại ngày lập báo cáo tài chính, đồng thời có xem xét ảnh hưởng của các hợp đồng tỷ giá hối đoái kỳ hạn đến việc loại trừ ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá hối đoái.

Nếu VND tăng giá so với Đô la Mỹ và Đồng Bảng Anh là 1% (năm 2011: 2%) và 2% (năm 2011: 2%) khi đó sự tăng giá này có các tác động sau:

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND	VND	VND
	USD	GBP	USD	GBP
Ảnh hưởng đến lãi (lỗ) thuần	(65.499.270)	(9.935.692)	1.843.687.401	(12.380.831)
Vốn chủ sở hữu	(65.499.270)	(9.935.692)	1.843.687.401	(12.380.831)

Nếu VND giảm giá so với Đô la Mỹ và Đồng Bảng Anh là 2% (năm 2011: 8%) và 2% (năm 2011: 2%) khi đó sự giảm giá này có các tác động sau:

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND	VND	VND
	USD	GBP	USD	GBP
Ảnh hưởng đến lãi (lỗ) thuần	65.499.270	9.935.692	1.843.687.401	12.380.831
Vốn chủ sở hữu	65.499.270	9.935.692	1.843.687.401	12.380.831

Rủi ro đối với tỷ giá hối đoái trong năm biến đổi tùy thuộc vào số lượng giao dịch với nước ngoài. Tuy nhiên phân tích được trình bày ở trên đã đại diện cho rủi ro đối với tỷ giá hối đoái của Công ty.

31.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng của Công ty chỉ giới hạn ở phạm vi giá trị ghi sổ của các khoản tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày lập báo cáo tài chính. Rủi ro tín dụng được trình bày sau đây:

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND
Phân loại tài sản tài chính - giá trị ghi sổ		
Tiền và tương đương liên	26.325.348.360	9.314.967.757
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.411.877.003	40.197.362.988
	28.737.225.363	49.512.330.745

Ban giám đốc liên tục theo dõi rủi ro mất khả năng chi trả của khách hàng và các đối tác khác, bao gồm cả nhân và tổ chức, và kết hợp thông tin này với việc quản lý rủi ro tín dụng. Nếu có và với mức phí hợp lý, Công ty sử dụng các báo cáo xếp hạng tín dụng của khách



hàng và đối tác từ nguồn do bên thứ ba thực hiện. Công ty có chính sách là chỉ giao dịch với các đối tác đáng tin cậy.

Ban giám đốc tin rằng các tài sản tài chính trên không bị suy giảm tại ngày báo cáo và có khả năng thanh toán tốt, bao gồm cả một vài khoản quá hạn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số khoản phải thu không bị suy giảm giá trị bao gồm nợ phải thu hiện hành và đã quá thời hạn nợ tại thời điểm báo cáo. Thông tin về các khoản tài sản tài chính đã quá thời hạn nợ nhưng không bị suy giảm được trình bày như sau:

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
	VND	VND
Không quá 3 tháng	-	39.173.448.460
Từ 3 tháng đến 6 tháng	-	-
Từ 6 tháng đến 1 năm	1.723.485.700	-
Hơn 1 năm	-	-
	1.723.485.700	39.173.448.460

Không có tài sản tài chính nào được đảm bảo bằng các khoản ký quỹ cũng như các khoản vay có đảm bảo. Đối với các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, Công ty không đối mặt với bất kỳ rủi ro tín dụng lớn nào đối với từng đối tác riêng lẻ hoặc bất kỳ nhóm đối tác nào có cùng đặc điểm.

31.3 Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý nhu cầu thanh toán tiền mặt bằng cách giám sát chặt chẽ lịch trả nợ đối với các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn cũng như nhu cầu tiền chi ra cho hoạt động hàng ngày của Công ty. Nhu cầu thanh toán tiền mặt được theo dõi theo nhiều khoảng thời gian khác nhau, trên cơ sở hàng ngày, hàng tuần hoặc dự toán cho 30 ngày. Nhu cầu thanh toán tiền mặt dài hạn cho khoảng thời gian 180 ngày và 360 ngày được xác định hàng tháng.

Công ty duy trì tiền mặt và các chứng khoán có tính thanh khoản cao nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán tiền mặt cho khoảng thời gian 30 ngày.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các khoản nợ với thời gian đáo hạn được trình bày dưới đây:

31 tháng 12 năm 2012	Trong vòng 6 tháng	Ngắn hạn		Dài hạn
		6 đến 12 tháng	1 đến 5 năm	
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán	789.285.791	-	-	-
Thuế và các khoản phải trả ngân sách Nhà nước	547.074.753	-	-	-
Chi phí phải trả	1.443.890.393	-	-	-
Phải trả hoạt động mua bán chứng khoán	1.540.282.839	-	-	-
Phải trả cổ tức cổ phiếu, lãi trái phiếu	719.890	-	-	-
Phải trả khác	725.392.799	-	137.565.750	-
	5.046.646.465	-	137.565.750	-



Cho mục đích so sánh:

31 tháng 12 năm 2011	Trong vòng 6 tháng	Ngắn hạn		Dài hạn
		6 đến 12 tháng	1 đến 5 năm	
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán	15.886.441.761	-	-	-
Thuế và các khoản phải trả ngân sách Nhà nước	5.758.145.349	-	-	-
Chi phí phải trả	3.255.494.469	-	-	-
Phải trả hoạt động mua bán chứng khoán	1.058.783.965	-	-	-
Phải trả cổ tức cổ phiếu, lãi trái phiếu	719.890	-	-	-
Phải trả khác	752.660.880	-	268.450.000	-
	26.712.246.314	-	268.450.000	-

32. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Do các công cụ tài chính đều là ngắn hạn và theo các điều khoản thương mại thông thường. Tại ngày kết thúc niên độ, giá trị còn lại của các tài sản tài chính và nợ tài chính được xem xét là xấp xỉ giá trị hợp lý. Chi tiết phân loại tài sản và nợ tài chính của Công ty được trình bày sau đây.

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 11 năm 2011
	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính ghi lãi lỗ theo giá trị hợp lý		
Chi vay và các khoản phải thu		
- Tiền và tương đương tiền	26.325.348.360	9.314.967.757
- Phải thu khách hàng (thuần)	1.723.485.700	39.173.448.460
- Phải thu từ các bên liên quan	-	104.953.452
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	688.118.203	892.605.428
- Các khoản phải thu khác	273.100	26.355.648
Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-
	28.737.225.363	49.512.330.745

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 11 năm 2011
	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại
	VND	VND
Nợ tài chính ghi nhận lỗ theo giá trị hợp lý		
Các khoản nợ tài chính khác		
- Phải trả người bán	789.285.791	15.886.441.761
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	547.074.753	5.758.145.349
- Chi phí phải trả	1.443.890.393	3.255.494.469
- Phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán	1.540.282.839	1.058.783.965
- Phải trả cổ tức từ cổ phiếu và lãi trái phiếu	719.890	719.890
- Phải trả khác	862.958.549	1.021.110.880
	5.184.212.215	26.980.696.314



33. Các sự kiện xảy ra sau ngày báo cáo tài chính

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ nào ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính của Công ty như được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 hay Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

34. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được thông qua bởi Ban Giám đốc và được phê duyệt phát hành vào ngày 25 Tháng 7/2013.

Người lập:

Dương Hữu Chính
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lâm Thị Tô Nga
Tổng Giám Đốc

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

Lâm Thị Tô Nga
Tổng Giám Đốc